

Bản đặc tả chương trình Program Specification

MINISTRY OF CONSTRUCTION
UNIVERSITY OF ARCHITECTURE
HO CHI MINH CITY

Khoa Quy hoạch

Tên chương trình: Kiến trúc Cảnh quan
Mã ngành: 7580102

Bản đặc tả chương trình này được thiết kế dành cho các đối tượng là sinh viên tiềm năng, sinh viên đang theo học, giảng viên, và các nhà tuyển dụng. Bản đặc tả chương trình mô tả tóm tắt về các đặc điểm chính của chương trình và các kết quả học tập mong đợi mà sinh viên có thể đạt được sau khi hoàn tất chương trình. Thông tin cụ thể về phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá, kết quả học tập mong đợi, và nội dung cho mỗi môn học có thể được tìm thấy trong bản đặc tả môn học (đề cương chi tiết) của các môn học ở đường link ở cuối văn bản. Thông tin cụ thể về các quy định của nhà trường có thể được tìm thấy trên website của Phòng đào tạo.

Bản đặc tả chương trình này áp dụng từ niên khóa: 2020-2021 (KC20).

Trưởng khoa



TS. KTS. Pham Ngoc Tuan

Faculty of Planning

Title of program: Landscape Architecture
Program code: 7580102

This program specification is designed for prospective students, current students, academic staff, and potential employers. It provides a summary of the programs' main features and expected learning outcomes that a typical student might achieve if he/she takes full advantage of the learning opportunities provided. Detailed information on the teaching and assessment methods, course expected learning outcomes and content can be found in the course specifications through the link at the end of this document. Detailed information on the university regulations can be found on the website of the Department of Academic Affairs.

This program specification is relevant to students entering 2020-2021 (KC20).

Dean of faculty



Dr. Arch. Pham Ngoc Tuan

Phân A. Thông tin cơ bản/Tuyển sinh		Section A. Admissions/Management Information		
1	Tên chương trình:	Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Kiến trúc cảnh quan	1	Title of program:
2	Mã ngành:	7580102	2	Program code:
3	Bậc trình độ trong khung trình độ quốc gia Việt Nam:	Đại học - Bậc 6	3	Vietnam Qualifications Framework level of award:
4	Niên khóa bắt đầu áp dụng bản đặc tả chương trình này:	2020 - 2021 (KC20)	4	This program specification is relevant to students entering:
5	Tên trường cấp bằng:	Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh	5	Awarding institution:
6	Tên khoa quản lý chương trình:	Khoa Quy hoạch	6	Administrative faculty:
7	Website	www.uah.edu.vn	7	Website
8	Tên bằng cấp:	Kiến trúc sư Cảnh quan	8	Final award title:
9	Vị trí việc làm của sinh viên tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà tư vấn quy hoạch, thiết kế cảnh quan: tham gia thực hiện lập đồ án quy hoạch, thiết kế cảnh quan tại các cơ quan, công ty tư vấn quy hoạch, thiết kế của Nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân trong nước và ngoài nước; - Nhà quản lý dự án kiến trúc cảnh quan tại các dự án đầu tư xây dựng của cơ quan Nhà nước và tư nhân chuyên về lĩnh vực đầu tư xây dựng kiến trúc cảnh quan; - Nhà quản lý đô thị về lĩnh vực kiến trúc cảnh quan tại các cơ quan Nhà nước (UBND, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch kiến trúc, phòng Quản lý đô thị các cấp Quận, huyện, công ty Công viên cây xanh...); - Nhà nghiên cứu chuyên sâu lĩnh vực quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan 	9	<p>Job titles of graduates:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Consultants for planning, urban design, and architectural design: Participate in the formulation process for planning projects and landscape designs at governmental agencies and governmental companies in planning and design consulting; Domestic and foreign private enterprises. - Project managers: manage construction projects with investments from governmental and private agencies specializing in landscape architecture; - Urban planners: work in the field of landscape architecture at governmental agencies (such as People's Committees, Department of Construction, Department of Architectural Planning, Department of Urban Management at

		tại các Viện, Trường Đại học trong nước, các tổ chức quốc tế...		various levels) or Greenery Parks companies, etc.; - Researchers: conduct research in the field of Planning or Landscape Architecture Design at domestic institutes and universities, international organizations, etc.
10	Các tiêu chuẩn về năng lực nghề nghiệp được tham khảo	<p>Chuẩn Landscape Architectural Accreditation Board (Hoa Kỳ)</p> <p>1. Về kiến thức</p> <p>a. Quy trình, nguyên tắc, và lý thuyết về thiết kế, bao gồm: các phương pháp tiếp cận về sáng tạo, văn hóa, và lịch sử để tạo ra các bộ cục cảnh quan vật chất, không gian, và thời gian, các giải pháp thiết kế theo từng địa điểm cụ thể và các thay đổi sáng tạo khác dựa trên cơ sở tự nhiên, vật lý, và khoa học xã hội của địa điểm; giải quyết các vấn đề và mục tiêu liên quan đến thẩm mỹ, môi trường, và xã hội.</p> <p>b. Lịch sử và lý thuyết về nghệ thuật và khoa học của ngành Kiến trúc cảnh quan, bao gồm: môi trường tự nhiên, môi trường xây dựng, và quy hoạch và thiết kế đô thị, cộng đồng, và sinh thái; giới hạn trong bối cảnh xã hội, văn hóa, kinh tế, chính trị, và khoa học đa dạng ở Bắc Mỹ và trên toàn cầu.</p> <p>c. Thực vật, hệ sinh thái, và khoa học khí hậu, tức là: các khía cạnh phi sinh học và sinh học của hệ sinh thái gắn liền với cảnh quan tự nhiên và xây dựng; ứng dụng của các nguyên tắc sinh thái học,</p>	10	<p>Referenced professional competency standard(s)</p> <p>The Landscape Architectural Accreditation Board's standards (USA)</p> <p>1. Knowledge</p> <p>a. Design Process, Principles and Theory, i.e. the range of creative, cultural, and historical approaches to developing material, spatial, and temporal landscape compositions, site-specific design solutions, and other creative responses that are grounded in the natural, physical, and social sciences and address aesthetic, environmental, and social issues and goals.</p> <p>b. Histories and Theories of the Art and Science of Landscape Architecture, i.e. built and natural environment, and urban, community, and ecological planning and design; framed by diverse social, cultural, economic, political, and scientific forces in North America and globally.</p> <p>c. Plants, Ecosystems, and Climate Science, i.e., the abiotic and biotic aspects of ecosystems associated with natural and constructed landscapes; application of ecology, botany, and</p>

	<p>thực vật học, và làm vườn vào thiết kế cảnh quan; kiến thức về đất và địa chất, và tác động của chúng đến cảnh quan; các tác động liên quan đến kỹ thuật cảnh quan, phát triển, quản lý sau xây dựng và bảo trì; và mối quan hệ qua lại giữa hệ sinh thái và khí hậu.</p> <p>d. Khả năng phục hồi, bao gồm các nguyên lý xã hội, con người, kinh tế và môi trường của tính bền vững và khả năng phục hồi; các danh mục, số liệu, và phương pháp luận về hiệu suất cảnh quan; sử dụng khoa học hành vi để đánh giá các tác động của thiết kế trong các hệ thống xã hội, con người, kinh tế, và môi trường khác nhau.</p> <p>e. Bối cảnh pháp lý của ngành, bao gồm: trách nhiệm pháp lý và vai trò của các kiến trúc sư cảnh quan trong việc giữ gìn và bảo vệ sức khỏe, sự an toàn của con người và phúc lợi của cộng đồng thông qua hoạt động nghề nghiệp của mình; trách nhiệm duy trì các giá trị tiềm ẩn của tài nguyên môi trường, lịch sử, văn hóa, và cộng đồng, đồng thời vẫn tuân thủ các khuôn khổ pháp lý và quy định; và các yêu cầu về cấp phép và thực hành nghề nghiệp theo quy định.</p> <p>f. Thực hành nghề nghiệp, tức là: các cơ hội nghề nghiệp hiện truyền thống và mới nổi có sử dụng các kỹ năng và kiến thức của ngành Kiến trúc cảnh quan trong nhiều môi trường khác nhau như: tư nhân, công cộng, học thuật và phi</p>		<p>horticulture principles to the design of the landscape; knowledge of soil science and geology and their impact on the landscape; impacts associated with landscape engineering, development, postconstruction management, and maintenance; and the interrelationships between ecosystems and climate.</p> <p>d. Resilience, i.e., the social, human, economic, and environmental principles of sustainability and resilience; landscape performance categories, metrics, and methodologies; and the use of behavioral sciences to assess the impacts of design within diverse social, human, economic, and environmental systems.</p> <p>e. Legal Context of the Profession, i.e., the legal responsibilities and the role of landscape architects to preserve and safeguard human health, safety, and the public welfare through their professional practice; maintaining the intrinsic values of environmental, historic, cultural, and community resources in compliance with legal and regulatory frameworks; and the regulatory professional practice and licensure requirements.</p> <p>f. Professional Practice, i.e., the current and emerging practice opportunities that utilize landscape architectural skills and knowledge in a variety of private, public, academic, and nongovernmental settings; project management and</p>
--	---	--	--

	<p>chính phủ; quản lý và bàn giao dự án; các nghĩa vụ đạo đức và nghề nghiệp đối với khách hàng, cộng đồng, công chúng và cảnh quan và môi trường; học tập suốt đời, vận động chính sách, phát triển nghề nghiệp, và vai trò của các tổ chức cộng đồng và nghề nghiệp.</p> <p>2. Các kỹ năng và năng lực</p> <p>a. Đánh giá, bao gồm: phân tích bối cảnh vật lý, sinh vật, khí hậu, và văn hóa của một dự án; tổng hợp các phân tích khách quan và chủ quan một cách toàn diện; đánh giá tính phù hợp của một dự án đối với nhiều địa điểm khác nhau, và đánh giá mức độ ưu tiên của một địa điểm khi tham chiếu với dự án; đánh giá về không gian và các dữ liệu liên quan khác; và trình bày các tiêu chí và phương pháp luận được sử dụng trong đánh giá.</p> <p>b. Thiết kế và xây dựng, tức là đưa ra nhiều khái niệm thiết kế cho một dự án; đánh giá và phê bình các phương án khác nhau, và tổng hợp các ý tưởng thành một kết quả toàn diện, có thể thực hiện được; ứng dụng khoa học tự nhiên, vật lý, và xã hội trong việc phát triển các giải pháp thiết kế sáng tạo và cụ thể cho địa điểm; đưa ra các quyết định thiết kế có kết hợp thông tin về bối cảnh vật lý, văn hóa, khí hậu và các quy định, nhu cầu đa dạng của người dùng; xem xét tất cả các khả năng và hình thức nhận thức, bảo đảm công bằng, sức khỏe sinh thái, và sự thay đổi</p>		<p>delivery; the ethical and professional obligations to clients, communities, the public, and the landscape and environment; and life-long learning, advocacy, career development, and the role of professional and community organizations.</p> <p>2. Skills and Competencies</p> <p>a. Assessment, i.e., analysis of the physical, biotic, climatic, and cultural context of a project; comprehensive synthesis of objective and subjective analysis; evaluation of the suitability of a program to multiple sites and prioritization of a site based on program; evaluation of spatial and other relevant data; and communication of the criteria and methodologies used in evaluation.</p> <p>b. Design and Construction, i.e., generation of multiple design concepts for a project; evaluation and critique of alternatives and synthesis of ideas into a comprehensive, implementable result; application of the natural, physical, and social sciences in the development of innovative and site specific design solutions; design decision-making that incorporates physical, cultural, climatic, and regulatory context, the diverse needs of users, considering all abilities and modes of perception, equitable access, ecological health, and temporal change, materials and constructability.</p>
--	---	--	---

	<p>theo thời gian, vật liệu, và khả năng xây dựng.</p> <p>c. Giao tiếp, tức là: sử dụng lời nói, cử chỉ, hình ảnh, và văn bản để diễn đạt ý tưởng một cách rõ ràng và cụ thể; tiếp nhận ý kiến, lắng nghe, và tìm cách hiểu và giao tiếp hiệu quả với nhiều đối tượng khác nhau; đưa ra, tiếp nhận, và trả lời các phản hồi và phê bình một cách chu đáo; đồng thời thể hiện sự đồng cảm và tôn trọng.</p> <p>d. Xây dựng, vật liệu, và phương pháp, tức là: khả năng tích hợp các vật liệu, công nghệ, thông số, và kỹ thuật xây dựng vào trong một đề xuất thiết kế; lựa chọn vật liệu dựa trên đặc tính, chất lượng, chi phí, khả năng xây dựng, tính bền vững, và sự phù hợp với văn hóa; chuẩn bị xây dựng bản thiết kế, các hồ sơ, chi tiết xây dựng; hiểu biết về quản lý và giám sát xây dựng.</p> <p>e. Kỹ thuật địa hình / cảnh quan và cơ sở hạ tầng xanh, tức là áp dụng các nguyên tắc có thể định lượng và các quy trình kỹ thuật bao gồm: phân loại nước, thoát nước, kiểm soát chất lượng nước và quản lý nước, cũng như các quy trình địa hình khác để thiết kế cảnh quan dễ sử dụng, an toàn, và bền vững về mặt sinh thái.</p> <p>f. Số lượng / Định lượng, tức là sử dụng các phép tính học để cung cấp thông tin và chứng minh hiệu suất thiết kế và hiệu suất xây dựng.</p>	<p>c. Communication, i.e., the use of verbal, nonverbal, visual, and written communication to clearly and concretely express ideas; solicit ideas from, listen to, and seek to understand and communicate effectively with diverse audiences; and thoughtfully provide, receive, and respond to feedback and critiques; all while demonstrating empathy and respect.</p> <p>d. Construction, Materials and Methods, i.e., the integration of materials, engineering, specifications, and construction techniques in a design proposal; selection of materials for character, quality, cost, constructability, sustainability, and cultural relevance; preparation of design development, construction documents, details, and understanding of construction administration and oversight.</p> <p>e. Landform/Landscape Engineering and Green Infrastructure, i.e., applying quantifiable principles and practice of engineering including grading, drainage, water quality and management, and other landform processes to design landscapes that are accessible, safe, and ecologically sustainable.</p> <p>f. Numeracy/Quantification, i.e., the mathematical calculations to inform and substantiate design and construction performance.</p>
--	---	--

	<p>g. Hiệu suất cảnh quan, nghĩa là, khả năng xác định và đo lường tác động của thiết kế đối với các mục tiêu môi trường, xã hội, và kinh tế dựa trên các kết quả có thể đo lường được; xác định các loại dữ liệu để đo lường (các) tác động của dự án; và sử dụng các chỉ số đo lường hiệu suất để đo lường các tác động của một dự án.</p> <p>h. Kỹ năng hợp tác, tức là lãnh đạo và làm việc trong các nhóm đa ngành nghề, và tổng hợp kiến thức từ nhiều ngành, nghề và quan điểm khác nhau, ví dụ như: phát triển bền vững, chính sách môi trường, đạo đức, sinh thái, quy hoạch thành phố và quy hoạch vùng miền, kinh tế, tài nguyên thiên nhiên, xã hội học, và nhân chủng học.</p> <p>i. Nghiên cứu, tức là: trình bày rõ ràng lý thuyết nghiên cứu; lựa chọn và áp dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp; bố trí công việc trong phạm vi kiến thức hiện, có và trình bày rõ tầm quan trọng của nghiên cứu đối với thực địa; tuân thủ đạo đức nghiên cứu và ứng xử có trách nhiệm; và làm việc tự chủ và hiệu quả để hoàn thành dự án một cách độc lập; và đóng góp kiến thức mới cho ngành để giải quyết những thách thức hiện tại và tương lai.</p>		<p>g. Landscape Performance, i.e., the ability to define and measure the impact of a design on its environmental, social, and economic goals based on measurable outcomes; identification of types of data to measure project impact(s); and use of performance metrics to measure performative impacts of a project.</p> <p>h. Collaboration, i.e., leadership and collaboration on multidisciplinary teams; and the incorporation of knowledge from other disciplines, professions, and perspectives for example sustainable development, environmental policies, ethics, ecology, city and regional planning, economics, natural resources, sociology, and anthropology.</p> <p>i. Research, i.e., articulation of a clear research theory; selection and application of appropriate research methods; placement of work within an existing body of knowledge and articulation of the significance of the work to the field; the practice of research ethics and responsible conduct; and work autonomously and effectively to complete independent project; and the contribution of new knowledge to the profession to address current and future challenges.</p>
--	--	--	---

11	<p>Phương thức tuyển sinh: (theo quy định của Bộ GD&ĐT và nhà trường)</p>	<p>Nhà trường tuyển sinh theo các phương thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ưu tiên tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên) hoặc thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông tại các trường Trung học phổ thông chuyên, năng khiếu trong cả nước, có điểm thi môn năng khiếu của Trường (đối với ngành KTCQ là môn Vẽ Mỹ thuật) đạt từ 5,0 điểm trở lên; - Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực tại Đại học Quốc gia TPHCM kết hợp thi bổ sung môn năng khiếu do Trường tổ chức; - Phương thức 3: Xét tuyển theo điểm trung bình học bạ Trung học phổ thông kết hợp thi bổ sung môn năng khiếu do Trường tổ chức; - Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả của kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia kết hợp thi bổ sung môn năng khiếu do Trường tổ chức. 	11	<p>Admission criteria:</p>	<p><i>(according to the regulations of the Minsitry of Education and Training, and of university)</i></p>	<p>The university recruit students using the following selection methods:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Method #1: Direct admission based on the Regulation for Admission issued by the Ministry of Education and Training, with priority for applicants who have won high prizes in competitions for gifted students at all levels (at province- or city-level competitions or higher) or applicants who have graduated from high schools for the gifted and have achieved a score of at least 5.0 during the school's gifted test (for the field of Landscape Architecture, the subject is Fine Art Drawing); - Method #2: Admission based on the results of the Academic Performance Test organized by the Vietnam National University, Ho Chi Minh city, combined with the score from the additional aptitude test organized by the university; - Method #3: Admission based on the average score excerpted from the applicant's high school transcripts, combined with the score from the additional aptitude test organized by the university; - Method #4: Admission based on the results of the High school graduation combined with the additional exam for gifted subjects organized by the University.
----	---	--	----	----------------------------	---	--

12	Phương thức đào tạo:	<ul style="list-style-type: none"> - Số tín chỉ: 153 tín chỉ - Độ dài chương trình: 5 năm - Loại hình đào tạo: trực tiếp tại trường - Các thời điểm tiếp nhận sinh viên: tháng 9 hàng năm. 	12	Length of program and mode of study:	<ul style="list-style-type: none"> - Number of credits: 153 credits - Length of program: 5 years - Mode: face-to-face (campus-based) - Start month(s): September
13	Ngôn ngữ dạy và học:	Tiếng Việt	13	Language of delivery:	Vietnamese
14	Điều kiện tốt nghiệp:	<p>Theo Điều 46 Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường ĐH Kiến trúc TPHCM (phê duyệt ngày 5/10/2021), để được công nhận tốt nghiệp, đến thời điểm mỗi đợt xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên có hình thức đào tạo chính quy ngành KTCQ cần đạt đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tích luỹ đủ số học phần, số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo; - Điểm trung bình tích luỹ của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên; - Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng-an ninh và đạt các học phần giáo dục thể chất theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; - Có chứng chỉ tiếng Anh đạt mức quy định trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đối với mỗi Khoa (đảm bảo còn thời hạn ghi trên bằng). 	14	Graduation requirements:	<p>According to Article 46 of UAH's regulation on credit-based undergraduate education (approved on October 5th, 2021), in order to be recognized for graduation, during each graduation period, students who participated in the full-time program of Landscape Architecture must satisfy the following requirements:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Accumulate a sufficient number of courses and credits of the program; - Have an accumulative GPA of 2.00 or higher; - At the time of graduation, the student is not being criminally prosecuted nor being suspended from studying; - Possess a certificate in National Defense Education, and passed all Physical Education courses as required by the Ministry of Education and Training; - Have an English certificate at the same or higher level as required in the Program's Learning Outcomes (students must make sure that the certificate is still valid).

15	<p>Chuyển ngành, cơ hội học tập lên bậc cao hơn, lấy các chứng chỉ chuyên môn và chứng chỉ hành nghề</p>	<p>- Chính sách chuyển ngành: theo Điều 32 Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Trường ĐH Kiến trúc TPHCM (phê duyệt ngày 5/10/2021), sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một nơi học khác khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khoá, không thuộc diện bị xem xét thôi học và còn đủ thời gian học tập theo điều 6 của Quy chế quản lý đào tạo theo tín chỉ của Trường ĐHKT TPHCM (2021); + Sinh viên đạt trung tuyển của chương trình, ngành đào tạo, của cơ sở đào tạo trong cùng khoá tuyển sinh; + Được sự đồng ý của Trường Khoa phụ trách chương trình, ngành đào tạo và của Hiệu trưởng trường ĐHKT TPHCM; + Sinh viên chỉ được phép xin chuyển ngành, chuyển nơi học 01 lần duy nhất và sẽ không được giải quyết chuyển lại ngành, nơi học trước đây; + Sinh viên xin chuyển ngành, chuyển nơi học làm đơn gửi Phòng Quản lý Đào tạo ít nhất 02 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới. - Cơ hội học tập lên bậc cao hơn: sinh viên sau khi tốt nghiệp có cơ hội tiếp tục bậc học Sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) về Kiến trúc cảnh quan, Quy hoạch vùng và đô thị, Quản lý đô thị, Thiết kế đô thị trong và ngoài nước. 	15	<p>Transfer to and from other programs, opportunities for further education, opportunities to acquire additional professional licenses and certificates:</p> <p>- Policy on changing majors: according to Article 32 of UAH's regulations on credit-based undergraduate education (approved on October 5th, 2021), students can be considered to transfer to another major, program, or institution if all the following conditions are fully satisfied:</p> <ul style="list-style-type: none"> + The student is not a first-year or final-year student, is not being considered for expulsion, and still has enough time to study according to Article 6 of UAH's regulations on academic management for credit-based undergraduate programs (2021). + The student already passed the entrance exam of the program, major, or institution for other students of the same cohort; + The student must receive approval from the Dean of the faculty in charge of program or major, and approval from the Rector of UAH; + Students are only allowed to transfer to another major or institution once, and will not be allowed to change back to their previous major or institution; + Students who wish to transfer to another major or institution must submit an application to the Department of Academic Affairs at least 02 weeks before the start of the new semester. - Opportunities for further study: After graduation, students will have the
----	--	--	----	--

				opportunity to pursue their postgraduate degrees (Master's degree or PhD) in Landscape Architecture, Regional and Urban Planning, Urban Management, and Urban Design in Vietnam or abroad.
16	Đảm bảo chất lượng:	<ul style="list-style-type: none"> - Các bên liên quan của chương trình: nhà tuyển dụng, chuyên gia nghề, cựu sinh viên, giảng viên, nhà trường, khoa, sinh viên. - Cơ chế lấy ý kiến phản hồi: đồi thoại, thông qua phiếu khảo sát, hội nghị, Diễn đàn Nghe SV nói - Nói SV nghe,... - Nhà trường theo quan điểm "lấy người học làm trung tâm" thể hiện bằng các cam kết như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tạo môi trường học tập trải nghiệm, nghiên cứu và sáng tạo, tôn trọng sự khác biệt, tạo điều kiện tốt nhất cho mỗi sinh viên phát huy tiềm năng, định hướng tương lai và hình thành nhân cách. + Phát triển đội ngũ giảng viên có năng lực vượt trội để đảm bảo chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng một cách chuyên nghiệp và có đạo đức. Phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ chuyên nghiệp và nhiệt tình. + Xây dựng văn hóa chất lượng phù hợp với các giá trị cốt lõi "Truyền thống - Sáng tạo - Chuyên nghiệp". Đảm bảo chất lượng là cam kết của lãnh đạo và trách nhiệm của mỗi người trong trường. 	16	<p>Academic quality assurance:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Program stakeholders: enterprises, industry experts, alumni, lecturers, the university, the faculty, students. - Feedback mechanism: meetings, surveys, workshopscourse assessment, Student Exchange Forum, etc. - The university follows the "student-centered" point of view, as demonstrated by the following commitments: <ul style="list-style-type: none"> + Create an experiential, research-oriented, and creative learning environment, and at the same time, respect differences, and create the best conditions for each student to develop their own potentials, future orientations, and personal qualities development. + Develop a team of lecturers with outstanding competences in order to ensure the quality of teaching, scientific research, and community service in a professional and ethical manner; + Develop a team of professional and enthusiastic support staff. + Develop a culture of quality that aligns with the core values of "Traditions - Creativity - Professionalism". Quality assurance is

	<p>+ Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của dạy, học và NCKH.</p> <p>+ Vận hành cơ chế lấy ý kiến các bên liên quan để cải tiến liên tục chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.</p> <p>- Các chứng chỉ kiểm định đã đạt chuẩn quốc gia ở cấp trường: Tháng 3/2021, Trường Đại học Kiến trúc TPHCM đạt Chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 12/2017/TT-BGDDT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p>		<p>the commitment of the university's leaders, and is the responsibility of every person in the university.</p> <p>+ Modernize facilities and equipment to fully meet the needs of teaching, learning, and scientific research.</p> <p>+ Maintain mechanisms for collecting stakeholder feedback in order to continuously improve education quality according to regional and international standards.</p> <p>- National accreditation at institutional level: In March 2021, University of Architecture Ho Chi Minh City obtained the Certificate of Accreditation of Educational Institutions according to the standards specified in Circular 12/2017/TT-BGDDT dated May 19, 2017 of the Minister of Education and Training.</p>
17	<p>Lãnh đạo chương trình và cán bộ hỗ trợ tuyển sinh:</p> <p>- Lãnh đạo chương trình: TS.KTS. Phạm Ngọc Tuấn – Trưởng Khoa Quy hoạch Email: tuan.phamngoc@uah.edu.vn Tel.: (+84) (28) 38.222748, Ext. 127</p> <p>TS.KTS. Hoàng Ngọc Lan – Phó Trưởng Khoa Quy hoạch Email: lan.hoangngoc@uah.edu.vn Tel.: (+84) (28) 38.222748, Ext. 127</p> <p>TS.KTS. Nguyễn Cẩm Dương Ly Trưởng Bộ môn Kiến trúc cảnh quan</p>	17	<p>Program leaders and recruitment support staff: (<i>Contact information such full names, titles, emails, and phone number</i>)</p> <p>- Program leaders: Dr. Arch. Pham Ngoc Tuan – Dean of the Faculty of Planning Email: tuan.phamngoc@uah.edu.vn Tel.: (+84) (28) 38.222748, Ext. 127</p> <p>Dr. Arch. Hoang Ngoc Lan – Vice Dean of Faculty of Planning Email: lan.hoangngoc@uah.edu.vn Tel.: (+84) (28) 38.222748, Ext. 127</p> <p>Dr. Arch. Nguyen Cam Duong Ly</p>

	<p>Email: ly.nguyencamduong@uah.edu.vn Tel.: (+84) (28) 38.222748, Ext. 127</p> <p>- Chuyên viên phụ trách tư vấn tuyển sinh: Trần Minh Tuấn, học vị: Thạc sĩ, email: tuan.tramminh@uah.edu.vn, Tel: 0907020474</p>		<p>Head of Landscape Architecture Department Email: ly.nguyencamduong@uah.edu.vn Tel.: (+84) (28) 38.222748, Ext. 127</p> <p>- Student recruitment specialist: MArch. Tran Minh Tuan, email: tuan.tramminh@uah.edu.vn, Tel: 0907020474</p>
--	---	--	--

Phản B. Thông tin chi tiết về chương trình		Section B. Detailed program information	
18	<p>Bối cảnh của chương trình (<i>các mối liên kết trong và ngoài nước của chương trình, sinh viên quốc tế</i>)</p> <p>Chương trình đã có các hợp tác với khoa Kiến trúc cảnh quan của ĐH Gloucestershire, Vương Quốc Anh), ngành KTCQ của ĐH University of Technology Sydney (Úc)...; các mối liên hệ với các doanh nghiệp, văn phòng thiết kế KTCQ trong và ngoài nước: TA Landscape, LSS, Landmarks, Đại Quang Minh... (Việt Nam), One Landscape (Hong Kong), DE-SO Asia (Pháp)...; các mối liên hệ với các tổ chức nghề nghiệp trong và ngoài nước: Chi hội KTS Cảnh quan Việt Nam (trực thuộc Hội KTS Việt Nam), Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Quy hoạch và phát triển đô thị Việt Nam, Hội Liên hiệp KHKT Việt Nam...</p> <p>Giảng viên ngành KTCQ tham gia nhiều cuộc thi và đạt các giải thưởng quan trọng như: Giải Nhì/Bạc Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia 2008 và 2018 (Đường hoa Nguyễn Huệ, Cầu Vàng), Giải đồng Giải thưởng Kiến trúc TPHCM 2017</p>	18	<p>Internationalization/globalization</p> <p>The program has cooperated with the Faculty of Landscape Architecture of the University of Gloucestershire (UK), the Landscape Architecture Department of the University of Technology Sydney (Australia)...; relationships with domestic and foreign enterprises and design offices: TA Landscape, LSS, Landmarks, Dai Quang Minh... (Vietnam), One Landscape (Hong Kong), DE-SO Asia (France)... ; relationships with professional organizations at home and abroad: Vietnam Association of Landscape Architects (under the Vietnam Association of Architects), Vietnam Association of Architects, Vietnam Association of Urban Planning and Development, Association Vietnam Union of Science and Technology...</p> <p>Lecturers of the Landscape Architecture program participated in many</p>

<p>(Đường sách Nguyễn Văn Bình), các giải thưởng quốc tế như Giải Nhất Rethinking The Future 2014 hạng mục công trình cảnh quan đã xây dựng (A-Mazing Vertical Garden, Bà Nà Hills) do KTS Vũ Việt Anh - Phạm Thị Ái Thuỷ chủ trì; Các cuộc thi tuyển thiết kế kiến trúc - quy hoạch quốc tế và trong nước (Giải Khuyến khích cuộc thi quốc tế QH khu đô thị mới Thủ Thiêm năm 2003, Giải Ba thi tuyển kiến trúc Khu trung tâm hành chính TP Bà Rịa-Vũng Tàu năm 2005, Giải nhì thi tuyển kiến trúc Trung tâm đô thị mới Tân Tạo quận Bình Tân TPHCM năm 2010 do KTS Hồ Việt Vinh chủ trì; Giải Xuất sắc cuộc thi Ý tưởng Quy hoạch trung tâm dịch vụ du lịch Hàm Tiến Mũi Né – Phan Thiết do KTS Phạm Ngọc Tuấn chủ trì cùng các giảng viên và sinh viên Khoa Quy hoạch tham gia năm 2016...); Giải đặc biệt Giải thưởng QHĐT Quốc gia 2020 (Đồ án Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Hồ Chí Minh huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An do KTS Nguyễn Cẩm Dương Ly hợp tác cùng DE-SO Asia)...</p> <p>Một số giảng viên đóng vai trò là thành viên Ban Chấp hành các Hội nghề nghiệp như Chi hội KTS Cảnh quan, Hội KTS TPHCM... Các công trình của các giảng viên ngành KTCQ đang đóng góp thay đổi bộ mặt cảnh quan của TPHCM như</p>	<p>competitions and won important awards such as: Second/Silver Prize of National Architecture Awards 2008 and 2018 (Nguyen Hue Flower Street, Golden Bridge), Bronze Prize of Ho Chi Minh City Architecture Prize 2017 (Nguyen Van Binh Book Street), international awards such as Rethinking The Future 2014 First Prize in the category of built landscape works (A-Mazing Vertical Garden, Ba Na Hills) by architect Vu Viet Anh - Pham Thi Ai Thuy; International and domestic architectural and planning design contests (Consolation prize in the international competition for planning Thu Thiem new urban area in 2003; Third prize in the architectural competition for the administrative center of Ba Ria-Vung city in 2005; Second prize in architectural competition for Tan Tao New Urban Center in Binh Tan District, Ho Chi Minh City in 2010 chaired by architect Ho Viet Vinh; Excellence Award in Ham Tien Mui Ne Tourist Service Center Planning Idea Contest – Phan Thiet chaired by Architect Pham Ngoc Tuan with lecturers and students of the Faculty of Planning in 2016...); Special prize of the National Urban Planning Award 2020 (Master planning project to preserve, embellish and promote the value of special national monuments Ho Chi Minh memorial site</p>
--	---

	<p>công trình Đường sách Nguyễn Văn Bình, Công viên Lam Sơn, hay các tỉnh thành khác như Cầu Vàng (Bà Nà Hill, Đà Nẵng), Không gian lưu niệm Lê Bá Đảng (Thừa Thiên Huế)... Các KTS đã vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng, UBND thành phố... vì các đóng góp.</p> <p>Sinh viên ngành KTCQ hàng năm tham gia các giải thưởng đồ án Tốt nghiệp xuất sắc Loa Thành ngành Xây dựng – Kiến trúc (Hội KTS VN, Tổng Hội Xây dựng VN), giải thưởng Đồ án Tốt nghiệp xuất sắc ngành Quy hoạch (Hội QHPTDT VN tổ chức), các giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka (Trung tâm Phát triển KHCN trẻ - Thành đoàn TPHCM), giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học (Bộ Giáo dục và Đào tạo), các cuộc thi ý tưởng thiết kế KTCQ trong và ngoài nước... đạt nhiều giải thưởng xuất sắc.</p> <p>Nhiều cựu sinh viên của Khoa đang đóng vai trò là thành viên thiết kế chủ chốt trong các Viện, công ty, văn phòng thiết kế kiến trúc – quy hoạch – cảnh quan trong và ngoài nước, đạt nhiều giải thưởng quan trọng như Giải thưởng Kiến trúc Quốc gia, Giải thưởng QHDT Quốc gia...</p>
--	--

				(Young Science and Technology Development Center - Ho Chi Minh City Youth Union), the Scientific Research Student Award (the Ministry of Education and Training), the idea contests Design ideas for landscape architecture at home and abroad... won many excellent awards. Many alumni of the Faculty are playing the role of key design members in the Institutes, companies, architecture design - planning - landscape design offices at home and abroad, winning many important awards such as the National Architecture Award, National Urban Planning Award...
19	Mục tiêu giáo dục của chương trình (PEOs)	<p>Một số năm đầu sau khi tốt nghiệp, sinh viên tốt nghiệp có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - PEO 1 (Kiến thức): Phát triển kiến thức về các tiêu chuẩn đương đại của ngành kiến trúc cảnh quan. - PEO 2 (Năng lực nghề nghiệp): Có khả năng đáp ứng các nhu cầu thực tế trong các lĩnh vực ngành nghề quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan phù hợp với bối cảnh Việt Nam hiện nay và hội nhập quốc tế. - PEO 3 (Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội): Là các nhà quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan có trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp. 	19	<p>Program educational objectives (PEOs)</p>

20	<p>Đối sánh quốc gia, quốc tế: <i>(Đối sánh với các chương trình quốc gia và quốc tế, các chuẩn quốc tế như AACSB, ABET, NASAD, AHLEI...)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chương trình nước ngoài: Cử nhân Kiến trúc cảnh quan (ĐH Texas A&M University, Mỹ), Cử nhân Thiết kế Kiến trúc cảnh quan (ĐH RMIT, Úc), Cử nhân nghệ thuật Nghiên cứu cảnh quan (ĐH Hồng Kông, Hồng Kông, Trung Quốc) - Các chương trình trong nước: Kỹ sư Thiết kế cảnh quan (ĐH Nông Lâm TPHCM, Việt Nam) - Chuẩn quốc tế: Accreditation Standards for Professional Programs in Landscape Architecture (Landscape Architectural Accreditation Board, Hoa Kỳ) 	20	<p>Benchmarking: <i>(Benchmarked with domestic and international programs, international standards such as AACSB, ABET, NASAD, AHLEI, etc.)</i></p>
21	<p>Kết quả học tập mong đợi của chương trình (PLOs): <i>Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên có thể:</i></p>	21	<p>Program learning outcomes (PLOs): <i>After successful completion of the program, students are able to:</i></p>

Kết quả học tập mong đợi (PLOs)	
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
KIẾN THỨC	<p>Kiến thức tổng quát</p> <p>PLO 1: Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật làm nền tảng cho việc giải quyết vấn đề của ngành kiến trúc cảnh quan.</p>
	<p>Kiến thức chuyên môn</p> <p>PLO 2: Vận dụng các kiến thức về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan trên nền tảng môi trường sinh thái – nhân văn, với sự cân nhắc về tác động của các ngành liên quan, phù hợp bối cảnh của Việt Nam và quốc tế.</p>
	<p>PLO 3: Vận dụng các kiến thức về mỹ thuật và tư duy sáng tạo để phát triển ý tưởng trong việc thiết kế kiến trúc cảnh quan.</p>

Expected Learning Outcomes (PLOs)	
After completing the program, students can:	
KNOWLEDGE	<p>General knowledge</p> <p>PLO 1: Apply basic knowledge in Natural Sciences, Social Sciences, Political Sciences, and Law as the foundation to solve the problems in landscape architecture.</p>
	<p>Professional knowledge</p> <p>PLO 2: Apply knowledge about spatial organization of landscape architecture on the basis of the ecological-human environment, with consideration of the impacts of related industries, in accordance with the context of Vietnam and the world.</p>

	<p>PLO 4: Vận dụng các kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành trong triển khai hoạt động chuyên môn thiết kế và quy hoạch cảnh quan.</p>		<p>PLO 3: Apply art knowledge and creative thinking in order to develop ideas for landscape architecture designs.</p>
KỸ NĂNG	<p>Kỹ năng chuyên môn</p> <p>PLO 5: Vận dụng các kỹ năng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của công tác quy hoạch và thiết kế cảnh quan.</p> <p>PLO 6: Thực hiện thành thạo các kỹ năng phân tích, tổng hợp, phản biện và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>PLO 7: Thực hiện thành thạo kỹ năng xem xét, đánh giá và thiết lập các không gian kiến trúc cảnh quan.</p> <p>PLO 8: Thực hiện thành thạo kỹ năng tổ chức và phối hợp thực hiện các đồ án quy hoạch và thiết kế cảnh quan, đảm bảo đầy đủ các nội dung và đúng quy trình.</p> <p>PLO 9: Thực hiện thành thạo kỹ năng đánh giá chất lượng và kết quả công việc sau khi hoàn thành dự án quy hoạch và thiết kế cảnh quan.</p> <p>Kỹ năng tổng quát</p> <p>PLO 10: Thực hiện thành thạo kỹ năng trình bày các vấn đề và giải pháp bằng các công cụ và phương pháp thể hiện (như đồ họa, mô hình...).</p> <p>PLO 11: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong các dự án chuyên ngành và liên ngành, có thể hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>PLO 12: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</p> <p>PLO 13: Có năng lực tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung lực năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.</p>		<p>PLO 4: Apply basic knowledge in management and administration in order to carry out professional activities in landscape design and planning.</p> <p>SKILLS</p> <p>Professional skills</p> <p>PLO 5: Apply information technology skills in order to meet the requirements of planning and landscape design.</p> <p>PLO 6: Utilize proficiently the skills of processing, analyzing, criticizing, and scientific researching in professional works.</p> <p>PLO 7: Utilize proficiently the skills of considering, evaluating, and setting up landscape architectural spaces.</p> <p>PLO 8: Utilize proficiently the skills in organizing and coordinating the implementation of planning and landscape design projects; ensuring that all tasks and procedures are correctly implemented.</p> <p>PLO 9: Utilize proficiently the skills in assessing work quality and work results after completing a landscape design and planning project.</p> <p>General skills</p> <p>PLO 10: Utilize proficiently skill of presenting problems and solutions with presentation tools and methods (such as graphs, models, etc.).</p> <p>PLO 11: Work independently or in groups on specialized and interdisciplinary projects; instruct and supervise others in performing their tasks.</p> <p>PLO 12: Plan, coordinate, and manage resources, and evaluate and improve the performance of operations.</p>
NĂNG LỰC TỰ CHỦ, TINH THẦN	<p>PLO 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời để đáp ứng sự thay đổi của ngành.</p> <p>PLO 15: Đảm bảo chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp, tinh thần thượng tôn pháp luật trong môi trường ngành nghề, thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội, ý thức bảo vệ môi</p>		

TRÁCH NHIỆM	trường, gìn giữ và phát huy những giá trị di sản nhân văn, truyền thống của văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập.		PLO 13: Demonstrate English proficiency at level 3/6 of Vietnam's Foreign Language Competency Framework.
		AUTONOMY AND RESPONSIBILITY	<p>PLO 14: Demonstrate a spirit of lifelong learning, and be able to respond to changes within the industry.</p> <p>PLO 15: Maintain professional ethical standards, and respect the law within the professional environment; demonstrate a sense of responsibility to the community and the society, a sense of environmental protection, and a willingness to preserve and promote the heritage, traditional, and cultural values within the context of global integration.</p>

Phản C. Dạy và học chương trình		Section C. Teaching/learning methods and strategies		
22	Triết lý giáo dục của nhà trường:	“Kế thừa truyền thống; Khai phóng sáng tạo; Kết nối công nghệ; Khoi thông tri thức; Kiến tạo tương lai”	22	Educational philosophy of the university:
23	Triết lý giáo dục của Khoa/chương trình:	“Learning by doing” (Học tập trải nghiệm)	23	Educational philosophy of the faculty/program:
24	Cách tiếp cận dạy và học: (<i>Mô hình dạy học, phương pháp giảng dạy</i>)	Thuyết giảng Thảo luận Thuyết trình (của sinh viên) Case study (nghiên cứu trường hợp) Project môn học (đồ án môn học) Thực hành kỹ năng (bài tập ứng dụng hoặc môn thực hành) Đồ án tốt nghiệp Học qua nghiên cứu khoa học Hoạt động khởi nghiệp	24	Teaching and learning methods: Lectures Group discussions Student presentations Case studies Course projects Practicing (through practical exercises or practical courses) Graduation projects Learning through scientific research Start-up activities

25	Đánh giá sinh viên:	<p>Các CELOs được giảng viên thiết kế nhất quán và phù hợp với các yêu cầu của các PLOs liên quan với môn học và tương ứng với mức độ IPM mà nó đóng góp cho các PLOs này. Vì thế, bằng việc đánh giá CELOs, chương trình đánh giá việc đạt được PLOs của sinh viên. Để đánh giá chính xác được việc đạt CELOs của sinh viên, giảng viên đã sử dụng nhiều phương pháp đánh giá đa dạng và phù hợp với mỗi CELOs. Các phương pháp đánh giá mà GV sử dụng trong chương trình bao gồm thảo luận, thuyết trình, làm việc nhóm, đồ án môn học, thi cuối môn học,...</p>	25	Student assessment:	<p>The CELOs designed by the lecturers are consistent and suitable with the requirements of the PLOs related to the course, and are corresponding with the course's level of contribution (I, P, or M) to the PLOs. Therefore, by assessing the CELOs, students' achievement of the PLOs is also assessed. In order to accurately assess students' achievement of the CELOs, lecturers use a variety of assessment methods suitable for each CELO. Assessment methods that lecturers used throughout the program include: discussions, presentations, group work, course projects, final exams, etc.</p>
26	Cơ chế theo dõi và đánh giá quá trình đạt PLOs của sinh viên:	<p>Tất cả sinh viên tốt nghiệp đều được yêu cầu tự đánh giá mức đạt PLOs của mình theo 3 mức: Không đạt, Đạt một phần, và Đạt hoàn toàn. Từ năm học 2021-2022, khoa đã thiết lập cơ chế đánh giá định lượng mức đạt PLOs của sinh viên hàng năm dựa trên kết quả học tập của mỗi năm học. Cơ chế này sẽ được áp dụng cho tất cả sinh viên nhập học vào năm học 2021-2022 trở về sau.</p>	26	Mechanism to establish and monitor achievement of program outcomes:	<p>All graduates are required to self-assess their achievement of the PLOs on three levels: Did not achieve, Partially achieved, and Fully achieved. Since the academic year 2021-2022, the faculty has established a mechanism to evaluate students' annual achievement of the PLOs based on their learning results in each academic year. This mechanism will be applied to all students who are admitted for the academic year 2021-2022 or later.</p>

KIẾN TRÚC CẢNH QUAN (153 TÍN CHỈ)

MÔN ĐẠI CƯƠNG (23 TC)	MÔN CHUYÊN NGÀNH (79 TC)	MÔN CƠ SỞ NGÀNH (41 TC)	MÔN DIỀU KIỆN	DÒ ÁN TỐT NGHIỆP (10 TC)
<p>LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ (11 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> Triết học Mác - Lênin (3LT) HK1 Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2LT) HK4 Chủ nghĩa xã hội khoa học (2LT) IIK5 Lịch sử Đảng CSVN (2LT) HK8 Tư tưởng Hồ Chí Minh (2LT) IIK9 <p>TOÁN - HÌNH HỌC HỌA HÌNH (6 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> Hình học họa hình (3LT) HK1 Toán ứng dụng (3LT) HK2 <p>MỸ THUẬT CƠ BẢN (6 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội họa 1 (2TH) HK1 Hội họa 2 (2TH) HK2 Điêu khắc (2TH) HK3 	<p>CHUYÊN NGÀNH BÁT BUỘC (64 cr)</p> <ol style="list-style-type: none"> Kiến trúc cảnh quan nhập môn (1LT+1TH) HK1 Nguyên lý KTCQ (2LT+1TH) HK3 Sinh thái học ứng dụng (2LT+1TII) IIK3 Lịch sử KTCQ (2LT+1TH) HK4 Công cụ hỗ trợ trong thiết kế cảnh quan (2LT+1TH) HK4 Kỹ thuật thiết kế cảnh quan (2LT+1TH) HK5 Thiết kế cây xanh (2LT+1TH) HK5 Quy hoạch và thiết kế vườn và công viên (2LT+1TH) HK6 Thiết kế đô thị (2LT+1TH) HK7 Hệ thống kỹ thuật đô thị (2LT+1TH) HK7 Đồ án Kiến trúc 1 - Nhà ở 1 (3TH) HK4 Đồ án Kiến trúc 2 - Công cộng 1 (2TH) HK3 Đồ án Kiến trúc 3 - Công cộng 2 (2TH) HK6 Đồ án KTCQ 1 - Thiết kế cảnh sân vườn (2TII) HK4 Đồ án KTCQ 2 - Thiết kế cảnh quan không gian công cộng (2TH) HK5 Đồ án KTCQ 3 - Thiết kế trực cảnh quan (3TH) IIK5 Đồ án KTCQ 4 - Quy hoạch công viên (3TH) IIK6 Đồ án quy hoạch 1 - Đơn vị ở (2TH) HK7 Đồ án KTCQ 5 - Thiết kế đô thị (3TH) HK7 Đồ án chuyên đề KTCQ (2TII) IIK8 Đồ án KTCQ 6 - QH cảnh quan khu chuyên dụng (3TII) IIK8 Đồ án KTCQ 7 - KTCQ tổng hợp (3TH) HK9 Đề cương tốt nghiệp ngành KTCQ (2TII) IIK9 <p>CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN (15 TC)</p> <p>Tự chọn 1: (2 TC, HK7) chọn 1 trong 3 HP sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thiết kế không gian mở đô thị (1LT+1TH) Lịch sử kiến trúc Phương Đông và Việt Nam (2LT) Trắc địa bản đồ (2LT) <p>Tự chọn 2: (3 TC, HK8) chọn 1 trong 3 HP sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tái tạo và cải tạo (2LT+1TH) QH du lịch và di sản (2LT+1TH) Kiến tạo nở rộ chấn (2LT+1TH) <p>Tự chọn 3: (2 TC, HK8) chọn 1 trong 3 HP sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Quản lý dự án (1LT+1TH) Khung thê chế và pháp lý (1LT+1TH) Bảo tồn trung tu và quy hoạch bảo tồn di sản (1LT+1TH) <p>Tự chọn 4: (2 TC, HK9) chọn 1 trong 3 HP sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xu hướng KTCQ đương đại (1LT+1TH) Kiến trúc sinh thái (2LT) Chuyên đề Kiến trúc 3 - Công trình nghỉ dưỡng (2LT) <p>Tự chọn 5: (3 TC, HK9) chọn 1 trong 3 HP sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> QII san nền và thoát nước mưa (2LT+1TII) Bảo vệ môi trường đô thị (2LT+1TH) Địa chất thuỷ văn (2LT+1TII) <p>Tự chọn 6: (3 TC, HK9) chọn 1 trong 3 HP sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hình thái cảnh quan (2LT+1TH) QII vùng cảnh quan (2LT+1TII) Quy hoạch đô thị bền vững (2LT+1TH) 	<p>CƠ SỞ NGÀNH BÁT BUỘC (39 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> Kỹ năng bản thân ngành KTCQ (1LT+1TH) HK1 Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà ở (2LT) HK2 Cấu tạo kiến trúc 1 (2LT+1TH) HK2 Nguyên lý thiết kế công trình công cộng (3LT) HK3 Vật lý đô thị (2LT+1TH) HK4 Phương pháp nghiên cứu và công cụ quy hoạch (2LT+1TH) HK5 Quy hoạch xây dựng đô thị (2LT+1TH) HK6 Xã hội học đô thị (2LT+1TH) HK6 Ngại ngữ chuyên ngành KTCQ (4LT) IIK7 Đồ án cơ sở kiến trúc 1 (3TH) HK1 Đồ án cơ sở KTCQ 1 - Diển họa (2TII) IIK1 Đồ án cơ sở KTCQ 2 - Vẽ ghi (3TH) HK2 Đồ án cơ sở quy hoạch 1 (2TH) HK2 Đồ cát không gian (3TII) IIK3 <p>CƠ SỞ NGÀNH TỰ CHỌN (2 TC)</p> <ol style="list-style-type: none"> Cơ sở văn hóa Việt Nam (2LT) HK6 Mỹ học đại cương (2LT) IIK6 Cơ sở tạo hình mỹ thuật trong không gian kiến trúc (2LT) HK6 	<p>MÔN DIỀU KIỆN</p> <ol style="list-style-type: none"> Giáo dục thể chất 1-2-3-4-5 Giáo dục quốc phòng 1-2-3-4 	<p>DÒ ÁN TỐT NGHIỆP (10 TC)</p> <p>Dò án tốt nghiệp ngành Kiến trúc cảnh quan (10 TC)</p>

THE LANSCAPE ARCHITECTURE PROGRAM (153 CREDITS)	
GENERAL COURSES (23 CREDITS) <p>POLITICAL STUDIES (11 CREDITS)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Philosophy Marx – Lenin (3 credits) 2. Political Economics of Marxism – Leninism (2 credits) 3. Scientific Socialism (2 credits) 4. History of Vietnam Communist Party (2 credits) 5. Ho Chi Minh's Ideology (2 credits) <p>DISCRITIVE GEOMETRY & APPLIED MATHEMATICS (6 CREDITS)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Discriptive Geometry (3 credits) 2. Applied Mathematics (3 credits) <p>BASIC ART (6 CREDITS)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Painting 1 (2 credits) 2. Painting 2 (2 credits) 3. Sculpture (2 credits) 	MAJOR COURSES (79 CREDITS) <p>MANDATORY COURSES (64 CREDITS)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Landscape Architecture Introduction (2 credits) 2. Theory of Landscape Architecture (3 credits) 3. Applied Ecology (3 credits) 4. History of Landscape Architecture (3 credits) 5. Tools Support Landscape Design (3 credits) 6. Landscape Design Techniques (3 credits) 7. Planting Design (3 credits) 8. Landscape Design of Urban Park (3 credits) 9. Urban Design (3 credits) 10. Infrastructure System (3 credits) 11. Architecture Design Studio 1 : Housing Design 1 (3 credits) 12. Architecture Design Studio 2: Public Achitecture 1 (2 credits) 13. Architecture Design Studio 3: Public Building 2 (2 credits) 14. Landscape Architecture Project 1: Garden Design (2 credits) 15. Landscape Architecture Project 2: Landscape Design of Public Space (2 credits) 16. Landscape Architecture Project 3: Landscape Axis Design (3 credits) 17. Landscape Architecture Project 4: Park (3 credits) 18. Neighbourhood Planning project (2 credits) 19. Landscape Architecture Project 5: Urban Design Project (3 credits) 20. Research Project on Landscape Architecture (2 credits) 21. Landscape Architecture Project 6: Specialized Landscape Planning (3 credits) 22. Landscape Architecture Project 7: Integrated Landscape Architecture Project (3 credits) 23. Dissertation Outline (2 credits) <p>ELECTIVE COURSES (15 CREDITS)</p> <p>Elective #1 (2 credits): Please choose 1 from 3 courses below</p> <ol style="list-style-type: none"> 24. Landscape Design of Urban Open Space (3 credits) 25. History of Eastern World and Viet Nam Architecture (2 credits) 26. Surveying and Mapping (2 credits) <p>Elective #2 (3 credits): Please choose 1 from 3 courses below</p> <ol style="list-style-type: none"> 27. Renewal and Regeneration (3 credits) 28. Tourism and Heritage Planning (3 credits) 29. Making Places (3 credits) <p>Elective #3 (2 credits): Please choose 1 from 3 courses below</p> <ol style="list-style-type: none"> 30. Project Management (3 credits) 31. Institutional Framework (2 credits) 32. Preservation and Heritage Preservation Planning (2 credits) <p>Elective #4 (2 credits): Please choose 1 from 3 courses below</p>
FOUNDATIONAL COURSES (41 CREDITS) <p>MANDATORY COURSES (39 CREDITS)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Personal skills (2 credits) 2. Principle of Residential Architecture Design (2 credits) 3. Principle of Building Construction 1 (3 credits) 4. Public Building Design Principles (3 credits) 5. Urban Physics (3 credits) 6. Research Methods and Planning Tools (3 credits) 7. Urban Planning (3 credits) 8. Urban Sociology (3 credits) 9. English for Landscape Architecture (4 credits) 10. Fundamental Architecture Project 1: Architectural drawings (3 credits) 11. Landscape Architecture Basic Exercises 1: Landscape Architecture Illustration (2 credits) 12. Landscape Design Fundamental Project 2 (3 credits) 13. Fundamental Planning Project 1 (2 credits) 14. Physical Composition (3 credits) <p>ELECTIVE COURSES (2 CREDITS)</p> <ol style="list-style-type: none"> 15. The Fundamentals of Vietnamese culture (2 credits) 16. General Aesthetics (2 credits) 17. Fine-Art Elements in Architecture Spaces and Urban Spaces (2 credits) 	

CONDITIONAL COURSES	33. Contemporary Trends in Landscape Architecture (2 credits) 34. Ecological Architecture (2 credits) 35. Architecture Thematic 3: Resort dřívě (2 credits)
1. Physical Education 1, 2, 3, 4, 5 2. National Defense Education 1, 2, 3, 4	Elective #5 (3 credits): Please choose 1 from 3 courses below: 36. Grading and Drainage Planning (3 credits) 37. Urban Environment Protection (3 credits) 38. Geology - Hydrology (3 credits)
GRADUATION PROJECT (10 CREDITS) Graduation Project (10 credits)	Elective #6 (3 credits): Please choose 1 from 3 courses below 39. Landscape Morphology (3 credits) 40. Landscaping of The Territory (3 credits) 41. Sustainable City Planning (3 credits)

28	Sự đóng góp của các môn học cho PLOs và PPC (Má trận mức độ đóng góp IPM của môn học cho PLO và PPC)	28	Development of program learning outcomes in the constituent courses (How individual courses contribute to the PLOs and PPC)												
Tên học phần Course name	Học kỳ/ Semester	Kiến thức tổng quát/ General knowledge	Kiến thức chuyên môn/ Professional knowledge		Kỹ năng chuyên môn/ Professional skills				Kỹ năng tổng quát/ General skills				Năng lực tự chủ, tinh thần trách nhiệm/ Autonomy and responsibility		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Triết học Mác - Lê nin/ Philosophy Marx – Lenin	1	I									I				I
Hình học họa hình/ Descriptive Geometry	1	I									I	I			I
Kỹ năng bản thân ngành KTCQ/ Personal skills	1			I	I	I	I		I	I	I	I		I	I
Kiến trúc cảnh quan nhập môn/ Landscape Architecture Introduction	1		I		I		I		I			I		I	I
Hội họa 1/ Painting 1	1			I				I		I	I	I			I
Đồ án Cơ sở Kiến trúc 1/ Fundamental Architecture Project 1: Architectural drawings	1										I	I			I
Đồ án cơ sở KTCQ 1 – Diễn họa KTCQ/ Landscape Architecture Basic Exercises 1: Landscape Architecture Illustration	1			I			I	I			I	I		I	I
Toán cao cấp/ Applied Mathematics	2	I				I					I				I
Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà ở/ Principle of Residential Architecture Design	2		I				I	I			I	I	I		I

Hội họa 2/ Painting 2 - Composition	2			I			I		I	I	I				I
Câu tạo Kiến trúc 1/ Principle of Building Construction 1	2			I			I		I	I					I
Đồ án cơ sở Quy hoạch 1/ Fundamental Planning Project 1	2							I	I	I	I				I
Đồ án cơ sở KTCQ 2 – Vẽ ghi KTCQ/ Landscape Design Fundamental Project 2	2			I		I	I	I	I	I	I				I
Nguyên lý thiết kế công trình công cộng/ Public Building Design Principles	3		P				P	P	P			P	P	P	P
Sinh thái học ứng dụng/ Applied Ecology	3	P	P		P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P
Nguyên lý kiến trúc cảnh quan/ Theory of Landscape Architecture	3		P	P	P		P	P	P	P		P	P	P	P
Điêu khắc/ Sculpture	3		P	P				I		P	P	P			P
Bô cục không gian/ Physical Composition	3			P				P		P	P	P			P
Đồ án Kiến trúc 2 - Công cộng 1/ Architecture Design Studio 2: Public Achitecture 1	3		P	P			P	P		P	P	P	P		P
Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Political Economics of Marxism – Leninism	4	P								P					P
Vật lý đô thị/ Urban Physics	4	P	P				P	P	P	P	P	P			P
Công cụ hỗ trợ trong thiết kế cảnh quan/ Tools Support Landscape Design	4			P	P	P	P	P	P	P	P				P
Lịch sử kiến trúc cảnh quan/	4		P	P		P	P	P	P	P	P	P	P	P	P

History of Landscape Architecture																				
Đồ án kiến trúc 1 - Nhà ở 1/ Architecture Design Studio 1: Housing Design 1	4			P	P	P		P	P	P			P	P	P				P	
Đồ án KTCQ 1 – Thiết kế cảnh quan sân vườn/ Landscape Architecture Project 1: Garden Design	4			P	P	P		P	P	P		P	P	P	P				P	
Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	5	P										P							P	
Phương pháp nghiên cứu và công cụ QH/ Phương pháp nghiên cứu và công cụ quy hoạch	5						P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	
Kỹ thuật thiết kế cảnh quan/ Landscape Design Techniques	5		P		P		P	P	P	P		P	P	P	P	P	P	P	P	
Thiết kế cây xanh/ Planting Design	5		P	P	P		P	P	P	P		P	P	P	P				P	
Đồ án KTCQ 2 – Thiết kế cảnh quan không gian công cộng/ Landscape Architecture Project 2: Landscape Design of Public Space	5		P	P	P		P	P	P	P	P	P	P	P	P	P			P	
Đồ án KTCQ 3 – Thiết kế trực cảnh quan/ Landscape Architecture Project 3: Landscape Axis Design	5		P	P		P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P			P	
Quy hoạch xây dựng đô thị/ Urban Planning	6		P		P		P		P	P		P	P	P	P	P	P	P	P	
Xã hội học đô thị/ Urban Sociology	6	P	P		P		P		P	P	P	P	P	P	P	P	P		P	
Quy hoạch và thiết kế vườn – công viên/ Landscape Design of Urban Park	6		P		P		P		P	P	P	P	P	P	P	P	P		P	
Cơ sở văn hóa Việt Nam/	6	P					P					P			P		P	P	P	

<i>The Fundamentals of Vietnamese culture</i>																			
<i>Mỹ học đại cương/ General Aesthetics</i>	6				P				P				P						P
<i>Cơ sở tạo hình mỹ thuật trong không gian kiến trúc/ Fine-Art Elements in Architecture Spaces and Urban Spaces</i>	6			P	P			P	P		P		P	P					P
<i>Đô án Kiến trúc 3 - Công cộng 2/ Architecture Design Studio 3: Public Building 2</i>	6			P	P			P	P		P		P	M	P	P			P
<i>Đô án KTCQ 4 – Quy hoạch công viên/ Landscape Architecture Project 4: Park</i>	6			P	P	P	P	P	P	P	P	P	M	P	P				P
<i>Ngoại ngữ chuyên ngành KTCQ/ English for Landscape Architecture</i>	7	M														M	M	M	
<i>Thiết kế đô thị/ Urban Design</i>	7			M	M	M		M	M	M	M	M		M	M				M
<i>Hệ thống kỹ thuật đô thị/ Infrastructure System</i>	7			M		M		M	M	M				M					M
<i>Thiết kế không gian mở đô thị/ Landscape Design of Urban Open Space</i>	7			M	M	M		M	M	M	M			M	M				M
<i>Lịch sử kiến trúc Phương Đông và Việt Nam/ History of Eastern World and Viet Nam Architecture</i>	7			M	M			M								M		M	
<i>Trắc địa bản đồ/ Surveying and Mapping</i>	7			M		M	M	M		M		M		M					M
<i>Đô án Quy hoạch 1 - Đơn vị ố/ Neighbourhood Planning project</i>	7			M	M	M		M	M	M	M	M		M	M				M
<i>Đô án KTCQ 5 – Thiết kế đô thị/</i>	7			M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M				M

Landscape Architecture Project 5: Urban Design Project																
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of Vietnam Communist Party	8	M														M
Cảm thụ cảnh quan/ Landscape Perception	8		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	
Tái tạo và cải tạo/ Renewal and Regeneration	8		M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	
Quy hoạch du lịch và di sản/ Tourism and Heritage Planning	8		M	M	M	M	M	M	M	M	M		M		M	
Kiến tạo nơi chốn/ Making Places	8		M	M	M		M	M	M	M	M		M		M	
Quản lý dự án/ Project Management	8			M		M		M	M	M	M		M		M	
Khung thể chế pháp lý/ Institutional Framework	8	M			M		M		M	M			M		M	
Bảo tồn trung tu và QH bảo tồn di sản/ Preservation and Heritage Preservation Planning	8		M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	
Đồ án Chuyên đề ngành KTCQ/ Research Project on Landscape Architecture	8		M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	
Đồ án KTCQ 6 – Quy hoạch cảnh quan khu chuyên dụng/ Landscape Architecture Project 6: Specialized Landscape Planning	8		M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	
Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's Ideology	9	M													M	
Xu hướng KTCQ đương đại/ Contemporary Trends in Landscape Architecture	9		M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	
Kiến trúc sinh thái/	9		M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M	

<i>Ecological Architecture</i>																			
<i>Chuyên đề kiến trúc 3 - Công trình nghỉ dưỡng/</i> <i>Architechture Thematic 3: Resort</i>	9			M	M	M		M		M				M	M			M	
<i>Quy hoạch san nền và thoát nước mưa/</i> <i>Grading and Drainage Planning</i>	9			M				M		M								M	
<i>Bảo vệ môi trường đô thị/</i> <i>Urban Environment Protection</i>	9			M		M		M	M	M	M			M				M	
<i>Địa chất thủy văn/</i> <i>Geology - Hydrology</i>	9	M	M					M	M	M								M	
<i>Hình thái cảnh quan/</i> <i>Landscape Morphology</i>	9			M				M	M	M	M					M		M	
<i>Quy hoạch vùng cảnh quan/</i> <i>Landscaping of The Territory</i>	9			M			M	M			M								
<i>Quy hoạch đô thị bền vững/</i> <i>Sustainable City Planning</i>	9	M			M	M			M										
<i>Đô án KTCQ 7 – KTCQ tổng hợp/</i> <i>Landscape Architecture Project 7: Integrated Landscape Architecture Project</i>	9			M			M	M			M								
<i>Đề cương tốt nghiệp ngành KTCQ/</i> <i>Dissertation Outline</i>	9				M			M	M	M	M	M							
<i>Đô án tốt nghiệp ngành Kiến trúc cảnh quan/</i> <i>Graduation Project</i>	10	M			M	M	M	M	M										

29	Chương trình phân bổ theo các học kỳ: (theo học kỳ)	29	Sample study plan (by semester)
----	--	----	------------------------------------

HỌC KỲ 1 / SEMESTER 1			
STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	0000110	Triết học Mác - Lê nin/ Philosophy Marx – Lenin	3
2	0100080	Hình học họa hình/ Descriptive Geometry	3
3	0400150	Kỹ năng bản thân ngành KTCQ/ Personal skills	2
4	0400140	Kiến trúc cảnh quan nhập môn/ Landscape Architecture Introduction	2
5	0220010	Hội họa 1/ Painting 1	2
6	0310020	Đồ án Cơ sở kiến trúc 1/ Fundamental Architecture Project 1: Architectural drawings	3
7	0400250	Đồ án Cơ sở KTCQ 1 - Diễn họa KTCQ/ Landscape Architecture Basic Exercises 1: Landscape Architecture Illustration	2
8	0120010	Giáo dục thể chất 1/ Physical Education	0
Tổng/ Total			17

HỌC KỲ 2 / SEMESTER 2			
STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	0100070	Toán cao cấp/ Applied Mathematics	3
2	0300040	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nhà ở/ Principle of Residential Architecture Design	2
3	0320030	Cấu tạo kiến trúc 1/ Principle of Building Construction 1	3
4	0220020	Hội họa 2/	2

		Painting 2		
5	0412010	Đồ án Cơ sở quy hoạch 1/ Fundamental Planning Project 1	2	
6	0400260	Đồ án Cơ sở KTCQ 2 - Vẽ ghi KTCQ/ Landscape Design Fundamental Project 2	3	
7		Chọn một trong 4 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from the 04 courses below	0	
	0120021	Giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn 1/ Physical Education 2 - Table Tennis 1		
	0120022	Giáo dục thể chất 2 – Bóng chuyền 1/ Physical Education 2 - Volleyball 1		
	0120023	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá 1/ Physical Education 2 - Football 1		
	0120024	Giáo dục thể chất 2 - Hip Hop 1/ Physical Education 2 - Hip Hop 1	0	
Tổng/ Total				15

HỌC KỲ 3 / SEMESTER 3

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	0300090	Nguyên lý thiết kế công trình công cộng/ Public Building Design Principles	3
2	0400370	Sinh thái học ứng dụng/ Applied Ecology	3
3	0400180	Nguyên lý kiến trúc cảnh quan/ Theory of Landscape Architecture	3
4	3200014	Điêu khắc/ Sculpture	2
5	0412120	Bô cục không gian/ Physical Composition	3
6	0310110	Đồ án Kiến trúc 2 - Công cộng 1/ Architecture Design Studio 2: Public Achitecture 1	2
7		Chọn một trong 4 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from the 04 courses below	0

	0120031	Giáo dục thể chất 3 - Bóng bàn 2/ Physical Education 3 - Table Tennis 2	
	0120032	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền 2/ Physical Education 3 - Volleyball 2	
	0120033	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá 2 Physical Education 3 - Football 2	
	0120034	Giáo dục thể chất 3 - Hip Hop 2/ Physical Education 3 - Hip Hop 2	
Tổng/ Total			16

HỌC KỲ 4 / SEMESTER 4

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	0000120	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin/ Political Economics of Marxism – Leninism	2
2	0420030	Vật lý đô thị/ Urban Physics	3
3	0400240	Công cụ hỗ trợ trong thiết kế cảnh quan/ Tools Support Landscape Design	3
4	0410200	Lịch sử kiến trúc cảnh quan/ History of Landscape Architecture	3
5	0310100	Đồ án Kiến trúc 1 – Nhà ở 1/ Architecture Design Studio 1: Housing Design 1	3
6	0410130	Đồ án KTCQ 1- Thiết kế cảnh quan sân vườn/ Landscape Architecture Project 1: Garden Design	2
7	0910110	Giáo dục quốc phòng 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam/ National defense education 1: The Communist Party's military policies	0
8	0910120	Giáo dục quốc phòng 2: Công tác quốc phòng và an ninh/ National defense education 2: Defense and security work	0
9	0910130	Giáo dục quốc phòng 3: Quân sự chung/ Defense Education 3: General and Tactical Military	0
10	0910140	Giáo dục quốc phòng 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật/ Defense Education 3: Infantry Combat Techniques and Tactics	0

11		Chọn một trong 4 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from the 04 courses below	0	
	0120041	Giáo dục thể chất 4 - Bóng bàn 3/ Physical Education 4 - Table Tennis 3		
	0120042	Giáo dục thể chất 4 - Bóng chuyền 3/ Physical Education 4 - Volleyball 3		
	0120043	Giáo dục thể chất 4 - Bóng đá 3/ Physical Education 4 - Football 3		
	0120044	Giáo dục thể chất 4 - Khiêu vũ Tango/ Physical Education 4 - Tango Dance		
Tổng/ Total				16

HỌC KỲ 5 / SEMESTER 5

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	0000130	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	2
2	0400040	Phương pháp nghiên cứu và công cụ quy hoạch/ Research Methods and Planning Tools	3
3	0400340	Kỹ thuật thiết kế cảnh quan/ Landscape Design Techniques	3
4	0400380	Thiết kế cây xanh/ Planting Design	3
5	0410220	Đô án KTCQ 2 - Thiết kế cảnh quan không gian công cộng/ Landscape Architecture Project 2: Landscape Design of Public Space	2
6	0400390	Đô án KTCQ 3 - Thiết kế trục cảnh quan/ Landscape Architecture Project 3: Landscape Axis Design	3
7		Chọn một trong 4 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from the 04 courses below	0
	0120051	Giáo dục thể chất 5 (Bóng bàn 4)/ Physical Education 5 - Table Tennis 4	
	0120052	Giáo dục thể chất 5 (Bóng chuyền 4)/ Physical Education 5 - Volleyball 4	
	0120053	Giáo dục thể chất 5 (Bóng đá 4)/	

		Physical Education 5 - Football 4		
	0120054	Giáo dục thể chất 5 (Khiêu vũ Cha-Cha-Cha)/ Physical Education 5 - Cha-Cha-Cha dance		
			Tổng/ Total	16

HỌC KỲ 6 / SEMESTER 6

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	0400050	Quy hoạch xây dựng đô thị/ Urban Planning	3
2	0400060	Xã hội học đô thị/ Urban Sociology	3
3	0400270	Quy hoạch và thiết kế vườn - công viên/ Landscape Design of Urban Park	3
4	0310170	Đồ án Kiến trúc 3 - Công cộng 2/ Architecture Design Studio 3: Public Building 2	2
5	0400450	Đồ án KTCQ 4 - Quy hoạch công viên/ Landscape Architecture Project 4: Park	3
6		Chọn một trong 3 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from the 03 courses below	2
	3100012	Cơ sở văn hoá Việt Nam/ The Fundamentals of Vietnamese Culture	
	3000013	Mỹ học đại cương/ General Aesthetics	
	0220290	Cơ sở tạo hình mỹ thuật trong không gian kiến trúc/ Fine-Art Elements in Architecture Spaces and Urban Spaces	
			Tổng/ Total
			16

HỌC KỲ 7 / SEMESTER 7

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	0100120	Ngoại ngữ chuyên ngành Kiến trúc cảnh quan/ English for Landscape Architecture	4
2	0400230	Thiết kế đô thị/	3

		Urban Design		
3	0400320	Hệ thống kỹ thuật đô thị/ Infrastructure System	3	
4	0410230	Đô án Quy hoạch 1 - Đơn vị ô/ Neighborhood Planning project	2	
5	0400430	Đô án KTCQ 5 - Thiết kế đô thị/ Landscape Architecture Project 5: Urban Design Project	3	
6		Chọn 1 trong 3 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from 03 courses below:	2	
	0400300	Thiết kế cảnh quan không gian mở đô thị/ Landscape Design of Urban Open Space		
	4300034	Lịch sử kiến trúc phương Đông và Việt Nam/ History of Eastern World and Viet Nam Architecture		
	4500043	Trắc địa đồ bản/ Surveying and Mapping		
Tổng/ Total				17

HỌC KỲ 8 / SEMESTER 8

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	0000140	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of Vietnam Communist Party	2
2	0400170	Cảm thụ cảnh quan/ Landscape Perception	3
3	0400440	Đô án Chuyên đề ngành kiến trúc cảnh quan/ Research Project on Landscape Architecture	2
4	0400490	Đô án KTCQ 6 - Quy hoạch cảnh quan khu chuyên dụng/ Landscape Architecture Project 6: Specialized Landscape Planning	3
5		Chọn 1 trong 3 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from 03 courses below:	2
	8400024	Tái tạo và cải tạo/ Renewal and Regeneration	
	8402022	Quy hoạch du lịch và di sản/ Tourism and Heritage Planning	

	0400210	Kiến tạo nơi chốn/ Making Places		
6		Chọn 1 trong 3 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from 03 courses below:		2
	8400061	Quản lý dự án/ Project Management		
	0400110	Khung thế chế pháp lý/ Institutional Framework		
	3300052	Bảo tồn trùng tu và quy hoạch bảo tồn di sản/ Preservation and Heritage Preservation Planning		
Tổng/ Total				15

HỌC KỲ 9 / SEMESTER 9

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits
1	0000150	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh's Ideology	2
2	0400460	Đề cương tốt nghiệp ngành KTCQ/ Dissertation Outline	2
3	0400500	Đồ án KTCQ 7 - Kiến trúc cảnh quan tổng hợp/ Landscape Architecture Project 7: Integrated Landscape Architecture Project	3
4		Chọn 1 trong 3 học phần tự chọn sau: / Please choose 01 from 03 courses below:	2
	0400360	Xu hướng kiến trúc cảnh quan đương đại Contemporary Trends in Landscape Architecture	
	0300020	Kiến trúc sinh thái/ Ecological Architecture	
	0300152	Chuyên đề kiến trúc 3 - Công trình nghỉ dưỡng/ Architecture Thematic 3: Resort	
5		Chọn 1 trong 3 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from 03 courses below:	3
	0620130	Quy hoạch san nền - thoát nước mưa/ Grading and Drainage Planning	
	4600033	Bảo vệ môi trường đô thị/	

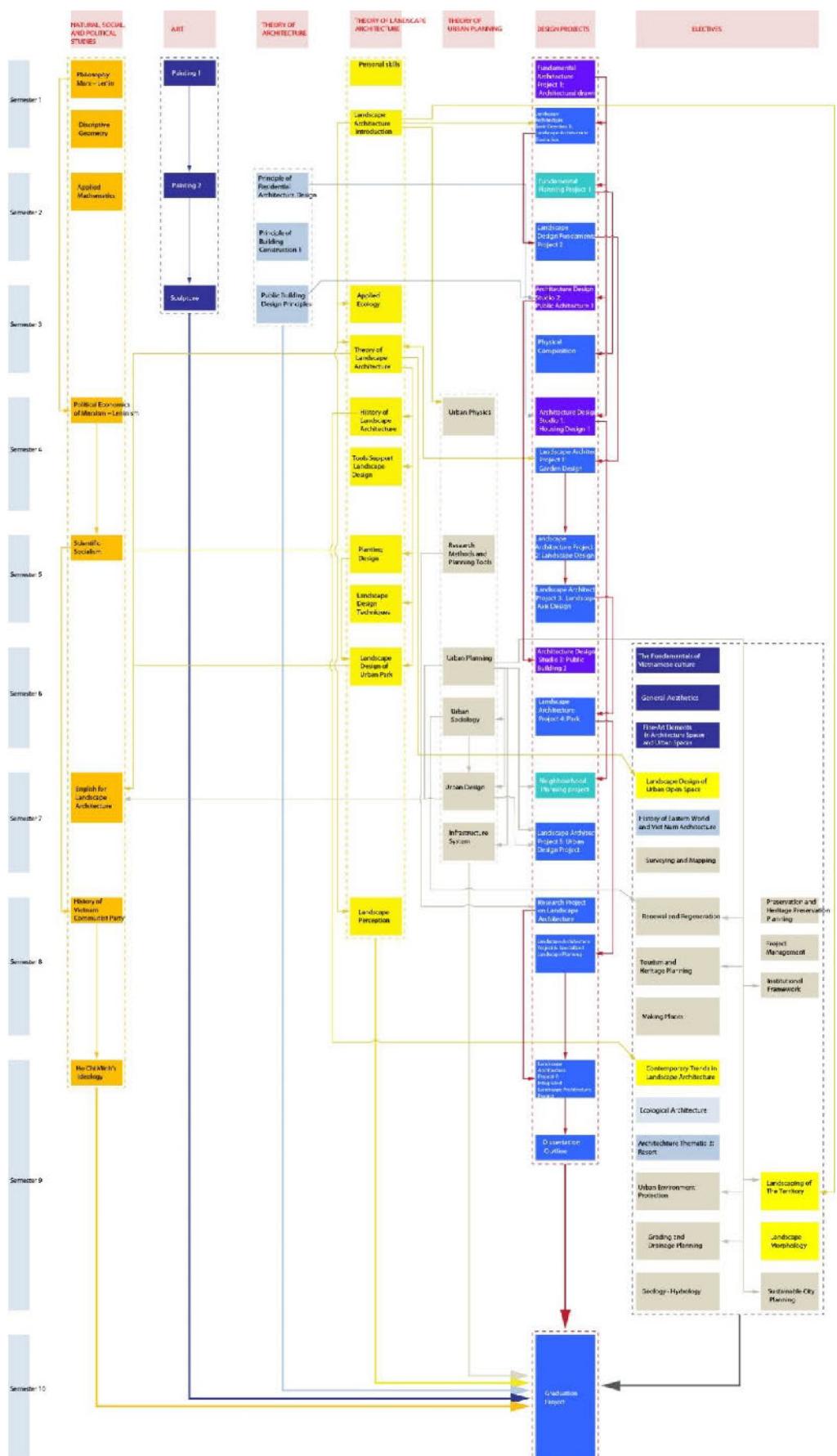
		Urban Environment Protection		
	0520030	Địa chất thuỷ văn/ Geology - Hydrology		
6		Chọn 1 trong 3 học phần tự chọn sau: Please choose 01 from 03 courses below:		3
	0400550	Hình thái cảnh quan/ Landscape Morphology		
	0400540	Quy hoạch vùng cảnh quan/ Landscaping of The Territory		
	4400031	Quy hoạch đô thị bền vững/ Sustainable City Planning		
Tổng/ Total				15

HỌC KỲ 10 / SEMESTER 10

STT/ No.	Mã môn học/ Course number	Tên môn học/ Course title	Số tín chỉ/ Credits	
1	0400480	Đồ án tốt nghiệp ngành KTCQ/ Graduation Project	10	
Tổng/ Total				10



30 | Curriculum learning roadmap: (the relation and order of courses)



Phản D. Điều kiện của chương trình				Section D. Learning environment and student support services				
31	Môi trường học tập của nhà trường và khoa:			31	Learning environment:	Name of practice rooms, laboratories, simulation rooms	Quantity	Course(s) in which the room is used
		Tên phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng mô phỏng	Số lượng (phòng)					
	Phòng A507, A204, A205, A206, A207	5	Hội họa			Room A507, A204, A205, A206, A207	5	Painting
	Các phòng học họa thất (A601, A603, A604, B402, B403, B502, B503, B601)	10	Tất cả các môn học đồ án chương trình			Design workshop (room A601, A603, A604, B402, B403, B502, B503, B601)	10	All courses of the program that involve projects
	2 trong 7 phòng thực hành máy tính: A201/1 và A201/2	2	Phần mềm chuyên ngành			Computer lab (room A201/1 and room A201/2)	2	All courses of the program that involve projects
	Phòng học họa thất ở Tầng trệt, Tầng 1	2	Tất cả các môn học đồ án			Design workshops on Ground Floor and 1 st Floor	2	All courses of the program that involve projects
						Design workshop	2	All courses of

			chương trình			(room 201, and room 202)		the program that involve projects
Các phòng học họa thất (201, 202)	2	Tất cả các môn học đồ án chương trình				+ The Department of Landscape Architecture has organized fieldtrips to visit, survey, design projects, practice subject exercises at U Minh Thuong National Park (Kien Giang), Bidoup - Nui Ba National Park (Lam Dong.), Nam Cat Tien National Park (Dong Nai), Binh Chau - Phuoc Buu Nature Reserve (Ba Ria - Vung Tau), Madagui Tourist Area (Lam Dong)...; survey, measure and draw green parks in Ho Chi Minh City (Tho Cam Vien, Le Van Tam ...) + Project visits of design companies such as Novaworld - Ho Tram project (Dai Phu My company)... + Community programs and projects: Tourism Development project with community participation in Tam Thanh Commune, Tam Ky City (2016-2017) coordinated by UN-Habitat, Tam Ky City People's Committee, art program Art Street on the Hill 2018 (Da Lat)... + Programs to receive students for internships at companies and design offices of QTCQ such as TA Landscape, Beegreen Vietnam...		

		KTCQ như TA Landscape, Beegreen Việt Nam... + Các workshop quốc tế liên kết với các trường ĐH nước ngoài như University of Technology of Sydney (workshop Khảo sát, quy hoạch Thủ Thiêm), KU Leuven (workshop Đô thị học nước tại Cần Thơ, Đô thị học rừng tại Đà Lạt, Huế...)...		+ International workshops affiliated with foreign universities such as University of Technology Sydney (Thu Thiem Surveying and Planning workshop), KU Leuven (City of Water Studies workshop in Can Tho, Urban of Forestry in Da Lat, Hue...)...																		
32	Hệ thống hỗ trợ sinh viên:	<table border="1"> <tr> <td>Đơn vị hỗ trợ</td><td>Dịch vụ hỗ trợ</td></tr> <tr> <td>Phòng QL KH&CN</td><td>Thực hiện các chức năng quản lý và triển khai công tác NCKH của giảng viên, cán bộ công nhân viên, sinh viên trong nhà trường</td></tr> <tr> <td>Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên</td><td> <p>Hướng dẫn sinh viên thực hiện các quy định của bộ GD&ĐT, UAH về các vấn đề giáo dục</p> <p>Hướng dẫn sinh viên các mở một khóa học, chọn khóa học phù hợp, và các khiếu nại về điểm bằng bìen bản hoặc trên trang web trực tuyến</p> </td></tr> <tr> <td>Cô vân học tập</td><td>Hướng dẫn sinh viên biết lập kế hoạch học tập, sử dụng sổ tay và tìm thông tin</td></tr> </table>	Đơn vị hỗ trợ	Dịch vụ hỗ trợ	Phòng QL KH&CN	Thực hiện các chức năng quản lý và triển khai công tác NCKH của giảng viên, cán bộ công nhân viên, sinh viên trong nhà trường	Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên	<p>Hướng dẫn sinh viên thực hiện các quy định của bộ GD&ĐT, UAH về các vấn đề giáo dục</p> <p>Hướng dẫn sinh viên các mở một khóa học, chọn khóa học phù hợp, và các khiếu nại về điểm bằng bìen bản hoặc trên trang web trực tuyến</p>	Cô vân học tập	Hướng dẫn sinh viên biết lập kế hoạch học tập, sử dụng sổ tay và tìm thông tin	32	<p>Support for students and their learning: (<i>academic support, pastoral support, and other services</i>)</p> <table border="1"> <tr> <td>Support unit</td><td>Support Services</td></tr> <tr> <td>Department of Scientific and Technological Management</td><td>Managing and implementing scientific research projects of lecturers, staff, and students of the university</td></tr> <tr> <td>Department of Academic Affairs</td><td>Providing information about the regulations of the Ministry of Education and Training and UAH on academic matters</td></tr> <tr> <td>Academic Advisors</td><td>Instructing students on how choose the right courses, and how to request an appeal using written or online forms</td></tr> <tr> <td></td><td>Teaching students how to plan their study schedule, take notes, and find information</td></tr> </table>	Support unit	Support Services	Department of Scientific and Technological Management	Managing and implementing scientific research projects of lecturers, staff, and students of the university	Department of Academic Affairs	Providing information about the regulations of the Ministry of Education and Training and UAH on academic matters	Academic Advisors	Instructing students on how choose the right courses, and how to request an appeal using written or online forms		Teaching students how to plan their study schedule, take notes, and find information
Đơn vị hỗ trợ	Dịch vụ hỗ trợ																					
Phòng QL KH&CN	Thực hiện các chức năng quản lý và triển khai công tác NCKH của giảng viên, cán bộ công nhân viên, sinh viên trong nhà trường																					
Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên	<p>Hướng dẫn sinh viên thực hiện các quy định của bộ GD&ĐT, UAH về các vấn đề giáo dục</p> <p>Hướng dẫn sinh viên các mở một khóa học, chọn khóa học phù hợp, và các khiếu nại về điểm bằng bìen bản hoặc trên trang web trực tuyến</p>																					
Cô vân học tập	Hướng dẫn sinh viên biết lập kế hoạch học tập, sử dụng sổ tay và tìm thông tin																					
Support unit	Support Services																					
Department of Scientific and Technological Management	Managing and implementing scientific research projects of lecturers, staff, and students of the university																					
Department of Academic Affairs	Providing information about the regulations of the Ministry of Education and Training and UAH on academic matters																					
Academic Advisors	Instructing students on how choose the right courses, and how to request an appeal using written or online forms																					
	Teaching students how to plan their study schedule, take notes, and find information																					

	<p>Tham khảo ý kiến sinh viên về việc lựa chọn và đăng ký các khóa học mỗi kỳ</p> <p>Tham khảo và hướng dẫn sinh viên về nghiên cứu khoa học và hướng dẫn các cuộc thi khoa học</p> <p>Phòng công tác quản lý sinh viên</p> <p>Theo dõi, đánh giá ý thức rèn luyện của sinh viên, tổ chức thi đua, khen thưởng cho tập thể và cá nhân sinh viên</p> <p>Thực hiện công tác quản lý sinh viên nội, ngoại trú</p> <p>Tham khảo ý kiến sinh viên về đoàn thanh niên và các tổ chức hoạt động xã hội</p> <p>Tư vấn cho sinh viên về các vấn đề liên quan đến việc dừng học tạm thời, nhập học, bỏ học, chuyển trường</p> <p>Hội sinh viên</p> <p>Đoàn kết, tập hợp rộng rãi sinh viên toàn trường, cùng phấn đấu học tập, rèn luyện</p> <p>Lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các Chi hội, CLB đội nhóm</p>		Department of Student Affairs	<p>Advising students on the selection and registration of courses for each semester</p> <p>Instructing students on how to conduct scientific research, providing guidance for students during science competitions</p>
<p>Monitoring and assessing students' motivation of learning; organizing competitions, and giving rewards for collectives and individual students.</p> <p>Managing on-campus and off-campus students</p> <p>Advising students about the Youth Union and social organizations</p> <p>Advising students on issues such as: temporary suspension, admission, dropping out, transferring to another university</p>				

		Tổ chức các hoạt động phong trào cho sinh viên					Creating solidarity among all students of the university, encouraging students to study and practice together
	Phòng y tế	Tư vấn cho sinh viên về sức khỏe, chống bệnh tật và phí bảo hiểm y tế				Student Association	Leading, directing, and instructing student societies, clubs, and groups
	Hội sinh viên	Tư vấn cho sinh viên về việc giải quyết các vấn đề khó khăn trong cuộc sống. Tham khảo ý kiến sinh viên về tâm lý giáo dục, xã hội và đời sống					Organizing large activities for students
	Hội sinh viên	Tư vấn cho sinh viên về việc làm và giới thiệu việc làm bán thời gian				Health clinic	Counseling students on their health, disease prevention, and health insurance
		Đào tạo sinh viên các khóa học ngắn hạn như kỹ thuật, kỹ năng mềm và kỹ năng tiếng Anh				Student Association	Counseling students on how to deal with difficult life problems; Counseling students on matters related to education, social, and personal life.
	Phòng công tác quản lý sinh viên	Tư vấn cho sinh viên về trợ cấp sinh hoạt, học phí, trợ cấp công tác xã hội, cách giảm học phí					Counseling students on employment, and introducing part-time jobs for students
		Tư vấn cho sinh viên về học phí, làm thế nào để nhận được học bổng				Student Association	Training students in short courses such as technical skills, soft
		Tham khảo ý kiến sinh viên về các tính huống khó khăn liên quan đến việc vay học phí được hỗ trợ bởi chính phủ					

		<p>Thư viện</p> <p>Để giới thiệu cho sinh viên về thông tin của thư viện UAH và các truy cập, sử dụng</p> <p>Để hướng dẫn sinh viên tìm và sử dụng tài liệu, sách điện tử và các dịch vụ liên quan</p> <p>Ký túc xá</p> <p>Để hỗ trợ sinh viên đăng ký ký túc xá, quy chế thực tập</p>				<p>skills, and English skills</p> <p>Advise students on living expenses, tuition fee, social assistance; and instructing them on how to apply for tuition fee exemptions</p> <p>Department of Student Affairs</p> <p>Advising students on tuition fees; and instructing them on how to apply for scholarships</p> <p>Advising students on difficulties when applying for government-supported tuition loans</p> <p>Introducing students to the library of UAH and how to use/access it</p> <p>Instructing students on how to find and use materials, e-books, and related services</p> <p>Instructing students on how register for accommodation at the dormitory;</p>
--	--	--	--	--	--	--

				providing information about internship regulations
33	<p>Các câu lạc bộ sinh viên và các hoạt động ngoại khóa dành cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các câu lạc bộ sinh viên cấp Trường: <ul style="list-style-type: none"> + Đội Văn nghệ; + CLB Khiêu vũ; + Clb Vovinam; + CLB Cầu lông; + CLB Thư pháp; + CLB Guitar gỗ; + CLB Taekwondo; + Clb Truyền tranh; + CLB Trà; + Clb Breakdance; + CLB Bóng rổ; + CLB Bóng chuyền; + CLB Rap-beatbox; + CLB Ảo thuật; + CLB Arc Cheer; + CLB Arc Kicks; + CLB Bar Up; + CLB Bơi lội; + CLB Futsal; - Các câu lạc bộ sinh viên cấp Khoa: <ul style="list-style-type: none"> + CLB Học thuật sinh viên Khoa Quy hoạch - Các hoạt động ngoại khóa dành cho sinh viên cấp Trường: <ul style="list-style-type: none"> + Lễ hội Truyền thống Kiến trúc 	33	<p>Student clubs and extracurricular activities available to students:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Student clubs at university level: <ul style="list-style-type: none"> + Performing Arts Team; + Dance Club; + Vovinam Club; + Badminton Club; + Calligraphy Club; + Wooden Guitar Club; + Taekwondo Club; + Comic Club; + Tea Club; + Breakdance Club; + Basketball Club; + Volleyball Club; + Rap-beatbox club; + Magic Club; + Arc Cheer Club; + Arc Kicks Club; + Bar Up Club; + Swimming Club; + Futsal Club; - Student clubs at the faculty: <ul style="list-style-type: none"> + Academic Club for students of Faculty of Planning - Extra-curricular activities for university students: <ul style="list-style-type: none"> + Festival of Architectural Tradition

	<ul style="list-style-type: none"> + Chương trình Tiếp sức mùa thi + Hoạt động tư vấn tuyển sinh + Hoạt động hiến máu nhân đạo + Tuần lễ Giới thiệu các CLB đội nhóm + Tuần lễ Giới thiệu các Khoa + Hoạt động hỗ trợ sinh viên mùa Covid + Mùa hè xanh – Vẽ tranh tường khắp TPHCM + Chương trình “Nghe SV nói – Nói SV nghe” + Chương trình hỗ trợ ATM gạo + Cuộc thi học thuật Kiến trạng + Hội thao sinh viên UAH <p>-Các hoạt động ngoại khóa dành cho sinh viên cấp Khoa:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chương trình Chào Tân sinh viên + Talkshow Tiếp lửa + Chương trình “Nghe SV nói – Nói SV nghe” + Các mini-game online về Điểm rèn luyện + Talkshow ON + Chương trình ủng hộ khu dưỡng lão nghệ sĩ + Chương trình Chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 + Chương trình vẽ tranh ủng hộ mùa Covid + Hội thao Khoa Quy hoạch + Các chuyến đi thực địa, tham quan, workshop hợp tác với các Trường Đại học trong và ngoài nước, các doanh nghiệp, văn phòng thiết kế quy hoạch và kiến trúc cảnh quan 		<ul style="list-style-type: none"> + Competition season relay program + Recruitment consulting activities + Humanitarian blood donation activities + Week of Introduction of Team Clubs + Week of Introduction of Faculties + Activities to support students during the Covid season + Green summer – Painting murals all over HCMC + Program "Listen to students speak - Talk to students listen" + Rice ATM support program + Academic Competition Status + UAH student sports festival <p>Extracurricular activities for students of Faculty:</p> <ul style="list-style-type: none"> + New Student Welcome Program + Talkshow Fire up + Program "Listen to students speak - Talk to students listen" + Online mini-games about Training Points + Talkshow ON + Program to support the artist's nursing home + Program to celebrate Vietnamese Teachers' Day 11/20 + Painting program to support the Covid season + Faculty of Planning Sports Festival + Field trips, sightseeing, workshops in cooperation with domestic and foreign
--	--	--	---

	+ UPWeek – Tuần lễ Quy hoạch đô thị hàng năm			universities, businesses, planning design offices and landscape architecture + UPWeek – Annual Urban Planning Week
--	--	--	--	---

Phân E. Điều chỉnh và cập nhật		Section E. Approval, publication and update		
34	Ngày ban hành bản đặc tả chương trình:	27/04/2021	34	This program specification was published on:
35	Ngày cập nhật cuối cùng:	31/12/2021	35	This program specification was last updated on:

Phụ lục I. Mô tả tóm tắt của các môn học		Appendix I: Course description		
1. Triết học Mác - Lenin		1. Philosophy Marx – Lenin The course presents general issues on philosophy, Marxist-Leninist philosophy and the role of Marxist-Leninist philosophy in daily life; The basic contents of dialectical materialism, including issues of matter and consciousness; dialectical materialism and cognitive theory of dialectical materialism. In addition, there are basic contents of historical materialism, including issues of socio-economic morphology; class and ethnicity; state and social revolution; social consciousness; philosophy of man.		
2. Kinh tế chính trị Mác - Lenin Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kinh tế chính trị Mác-Lênin. Gồm những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cụ thể, học phần trang bị những kiến thức sau cho sinh viên: - Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; - Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; - Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. - Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam;		2. Political Economics of Marxism – Leninism The course equips students with basic knowledge of Marxist-Leninist political economy. Includes political-economic knowledge about capitalist mode of production and political-economic issues of the transition to socialism in Vietnam. Specifically, the course equips students with the following knowledge: - Commodities, markets, and the role of actors in the market economy; - Production of surplus value in the market economy; - Competition and monopoly in the market economy. - Socialist-oriented market economy and economic interest relations in Vietnam;		

<p>- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p>	<p>- Industrialization, modernization, and international economic integration of Vietnam.</p>
<p>3. Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học trình bày những vấn đề khái quát về đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và học tập, ý nghĩa môn học, những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học. Luận giải về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và nghiên cứu vấn đề dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội; những vấn đề dân tộc và tôn giáo, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p>	<p>3. Scientific Socialism</p> <p>The course presents general issues about the object, tasks, research and learning methods, the meaning, basic knowledge about the process of formation and development of Scientific Socialism; comments on the historical mission of the working class and studying the issue of socialist democracy and the socialist state; socio-class structure and alliance of classes and classes in the transition to socialism; national and religious issues, family problems in the transition to socialism.</p>
<p>4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 4 chương nội dung và một phần tổng luận, trong đó: Chương mở đầu trình bày đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và học tập, ý nghĩa môn học Lịch sử Đảng. Chương 1 trình bày những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Chương 2 làm rõ sự lãnh đạo của Đảng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975). Chương 3 làm rõ Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới. Phần tổng luận khái quát những thành công, hạn chế và kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng thời kỳ (1930-2018).</p>	<p>4. History of Vietnam Communist Party</p> <p>The course consists of 4 chapters and an overview chapter, in which: The introductory chapter presents the object, tasks, research and learning methods, and the meaning of the course. Chapter 1 presents the basic knowledge about the birth of the Communist Party of Vietnam; the process of the Party leading the struggle for power (1930-1945). Chapter 2 clarifies the leadership of the Party in the two resistance wars against the French colonialists and the American imperialists (1945 - 1975). Chapter 3 clarifies how the Party led the country in the transition to socialism and carried out the renovation work. The Overview Chapter summarizes the successes, limitations and experiences of the Party's leadership in the period (1930-2018).</p>
<p>5. Tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>Nội dung học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trình bày những vấn đề cơ bản nhập môn như: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; làm rõ những cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh và trình bày những quan điểm cơ bản từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa như: về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt</p>	<p>5. Ho Chi Minh's Ideology</p> <p>The course presents basic introductory issues such as: Concepts, objects, research methods, and meaning of course; clarifies the foundations and process of formation and development of Ho Chi Minh Thought and present basic views from the people's democratic national revolution to the socialist revolution such as: on national independence and socialism, Communist Party of Vietnam, State of the people, by the people, for the people, great national and international</p>

<p>Nam, Nhà nước của dân, do dân, vì dân, đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người.</p>	<p>solidarity, in culture, morality, and people. and international solidarity, in culture, morality, and people.</p>
<p>6. Toán cao cấp</p> <p>Nội dung học phần Toán ứng dụng gồm các kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê. Chương 1 là những khái niệm cơ bản về xác suất. Chương 2 giới thiệu cho sinh viên khái niệm đại lượng ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất và các tham số của đại lượng ngẫu nhiên. Chương 3 là các qui luật phân phối xác suất thông dụng: nhị thức, siêu bội, Poisson, chuẩn tắc, Student. Chương 4 gồm các kiến thức cơ bản về lý thuyết mẫu. Chương 5 là ước lượng các tham số của đại lượng ngẫu nhiên. Chương 6 gồm các kiến thức về kiểm định giả thiết thống kê, phương pháp phân tích tương quan và hồi qui tuyến tính. Học phần cũng giới thiệu cho sinh viên phần mềm SPSS làm công cụ hỗ trợ cho việc xử lý số liệu thống kê.</p>	<p>6. Applied Mathematics</p> <p>The content of the Applied Mathematics course includes the basic knowledge of probability and statistics. Chapter 1 covers the basics of probability. Chapter 2 introduces students to the concept of random quantities, the law of probability distributions, and the parameters of random quantities. Chapter 3 presents the general rules of probability distribution: binomial, hypermultiple, Poisson, normal, Student. Chapter 4 covers the basics of model theory. Chapter 5 is about estimating the parameters of random quantities. Chapter 6 includes knowledge about statistical hypothesis testing, correlation analysis and linear regression. The course also introduces students to SPSS software as a support tool for statistical data processing.</p>
<p>7. Hình học họa hình</p> <p>Học phần Hình học Họa hình cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phép chiếu, các loại hình biểu diễn và các phương pháp dựng hình để mô tả vật thể ba chiều lên các bản vẽ giấy hai chiều, phục vụ cho việc thể hiện các ý tưởng thiết kế kiến trúc trong các đồ án chuyên ngành.</p>	<p>7. Descriptive Geometry</p> <p>The course provides students with knowledge about projections, representation types and construction methods to describe three-dimensional objects on two-dimensional paper drawings, serving to represent architectural design ideas in specialized projects.</p>
<p>8. Hội họa 1</p> <p>Trong học phần này Sinh viên sẽ nghiên cứu các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những bài tập cơ bản làm quen chất liệu màu nước để giúp các SV biết cách sử dụng cọ vẽ, pha màu và luyện tập một số kỹ thuật vẽ màu nước. - Những bài tập vẽ mẫu thực để giúp SV nghiên cứu một số quy luật hội họa như: bố cục và tỷ lệ, luật phối cảnh, nguyên lý ánh sáng và bóng đổ, tương quan của màu sắc trong không gian. - Những bài tập màu nước ứng dụng giúp SV có thể sử dụng màu nước trong việc thể hiện một số đối tượng, không gian quen thuộc trong đồ án chuyên ngành. 	<p>8. Painting 1</p> <p>In this course Students will study the following topics:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Basic exercises to familiarize students with watercolor materials to help them know how to use brushes, mix colors and practice some watercolor painting techniques. - Realistic drawing exercises that helps students study some painting laws such as: composition and proportions, law of perspective, principles of light and shadow, correlation of colors in space. - Applied watercolor exercises in order to help students use watercolor in expressing some familiar objects and spaces in specialized projects
<p>9. Hội họa 2</p>	<p>9. Painting 2</p>

<p>Môn học giới thiệu cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về Màu sắc, những yếu tố cơ bản hình thành nên ngôn ngữ tạo hình trong sáng tạo nghệ thuật và những lý thuyết cơ bản về bố cục hình phẳng ứng dụng trong chuyên ngành Kiến trúc nói chung và Kiến trúc Cảnh quan nói riêng.</p> <p>Sinh viên được thực hành các bài tập cơ bản về màu sắc và các bài tập về màu nhằm ứng dụng trong chuyên ngành Kiến trúc Cảnh quan.</p> <p>Trong học phần, sinh viên hiểu được các phương pháp hình thành các tiêu chuẩn thẩm mỹ của cấu trúc hình phẳng, từ đó sinh viên có thể thể hiện cấu trúc hình phẳng để định hướng cho thẩm mỹ cấu trúc hình khối.</p> <p>Sinh viên có thể vận dụng các lý thuyết về bố cục hình phẳng để thể hiện các tình huống bố cục cụ thể, xây dựng những bố cục hình phẳng là tiền đề để sinh viên có thể liên hệ với lý thuyết bố cục không gian hình khối trong các đồ án chuyên ngành.</p>	<p>This course introduces students to the basic theories of Color, the basic elements that form the visual language in artistic creation, and the basic theories of flat layout applied in Architecture in general and Regional and Urban Planning in particular.</p> <p>Students can practice basic color exercises and coloring exercises in order to apply them in Regional & Urban Planning.</p> <p>In the course, students will understand the methods of forming aesthetic standards of planar structures, from which students can express planar structures to orientate the aesthetics of cubic structures. Students can apply the theory of flat layout to represent specific layout situations, building flat layouts is a premise for students to be able to relate to the theory of geometric spatial layout blocks in specialized projects.</p>
<p>10. Điêu khắc</p> <p>Học phần giới thiệu cho sinh viên những lý thuyết, tiến trình về điêu khắc, cùng với những hiểu biết cơ bản về hình khối trong không gian, hiểu được ngôn ngữ tạo hình của tượng tròn và chạm nổi. Trong học phần, khối lượng thực hành về điêu khắc chiếm đa số, sinh viên sẽ thực hiện các mô hình thiết kế tạo hình khối trong không gian, có khả năng thực hiện được những thiết kế đơn giản về hình khối, tượng tròn và chạm nổi có thể áp dụng trong lĩnh vực quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan.</p>	<p>10. Sculpture</p> <p>The course introduces students to the theory and process of sculpture, along with a basic understanding of shapes in space, understanding the visual language of circular and embossed statues. In the course, the majority of practice is about sculpture, students will perform design models to create shapes in space, be able to perform simple designs of cubes, round statues and shapes. Emboss can be applied in the field of planning and landscape architecture design.</p>
<p>11. Giáo dục thể chất 1</p> <p>Học phần Giáo dục thể chất 1 là học phần giúp cho sinh viên thấy được tầm quan trọng của các hoạt động thể dục thể thao, mang lại sức khỏe đối với con người. Cung cấp những kiến thức cơ bản về vệ sinh trong luyện tập thể dục thể thao, phòng chống và sơ cứu chấn thương trong luyện tập.</p>	<p>11. Physical Education 1</p> <p>This is a course that helps students see the importance of sports activities, bringing health to people; provide basic knowledge about hygiene in sports practice, injury prevention and first aid in practice.</p>
<p>12. Giáo dục thể chất 2: Tự chọn 1 trong 4:</p>	<p>12. Physical Education 2: (Elective, choose 1 out of 4)</p>

Học phần Giáo dục thể chất 2 - Bóng bàn 1 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện, cách cầm vợt đúng trong bóng bàn, cách di chuyển bước chân trong bóng bàn. Kỹ thuật lấp bóng thuận tay, đẩy bóng trái tay cơ bản, giao bóng thuận tay, trái tay (không xoáy) cơ bản. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn. Học phần Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền 1 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện, lịch sử phát triển bóng chuyền thế giới và Việt Nam. Hiểu được nguyên lý kỹ thuật đệm bóng và kỹ thuật phát bóng. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn và trò chơi vận động.

Học phần Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá 1 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, phương pháp tập luyện và các nguyên lý cơ bản khi tập luyện kỹ thuật đá bóng bằng lòng và bằng mu trong bàn chân, thực hiện các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

Học phần Giáo dục thể chất 2 - Hip Hop 1 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp luyện tập. Tư thế chuẩn bị động tác, có khả năng tạo dáng tư thế tay, chân chuẩn của động tác. Giới thiệu cách di chuyển bước chân gồm: di chuyển đơn, di chuyển đôi, bước tiến, bước lùi, bước chéch chéo, bước xoay người. Kỹ thuật xoay người an toàn phát triển các cơ toàn cơ thể, rèn kỹ năng linh hoạt và nhạy bén khi kết hợp với nhạc, phát huy tính đồng đội và tự ý thức của bản thân, cảm nhận sự uyển chuyển của đôi tay, đôi chân và toàn cơ thể, sự dứt khoát trong động tác. Giúp những sinh viên thụ động trở nên năng động hơn. Truyền cảm hứng và nhiệt huyết vào bài nhảy. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

13. Giáo dục thể chất 3: Tự chọn 1 trong 4:

Học phần Giáo dục thể chất 3 - Bóng bàn 2 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp luyện tập bóng bàn. Kỹ thuật gò bóng thuận tay, gò bóng trái tay, kỹ thuật cắt bóng thuận tay, cắt bóng trái tay. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

Physical Education 2 - Table Tennis 1: helps students understand the content, principles and practice methods, how to hold the racket correctly in table tennis, how to move feet in table tennis; basic forehand swing technique, basic backhand push, forehand serve, basic backhand (no spin). The course also provides professional physical development exercises.

Physical Education 2 - Volleyball 1: helps students understand the content, principles and methods of practice, the history of volleyball development in the world and in Vietnam; understand the principles of ball buffering and kicking techniques; exercise to develop professional physical strength and movement games.

Physical Education 2 - Football 1: helps students understand the content, practice methods and basic principles when practicing ball kicking techniques with the soles and insteps of the feet, performing exercises professional fitness development

Physical Education 2 - Hip Hop 1: helps students understand the content, principles and methods of practice; The posture of preparing the movement, capable of creating the standard posture of the hands and feet of the movement; Introduction to walking steps include: single move, double move, forward step, backward step, diagonal step, turn step; The safe turning technique develops the muscles of the whole body, trains flexibility and sensitivity skills when combined with music, promotes teamwork and self-awareness, feels the flexibility of the hands, legs and whole body, decisiveness in movement; help passive students become more active. Inspiration and enthusiasm into the dance. The course also provides professional physical development exercises.

13. Physical Education 3 (Elective, choose 1 out of 4)

Physical Education 3 - Table Tennis 2: helps students understand the content, principles and methods of table tennis practice; forehand curving technique, backhand curving technique, forehand cutting

<p>Học phần Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền 2 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện, kỹ thuật chuyền bóng cao tay trước mặt và kỹ thuật đập bóng ô số 4. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn và trò chơi vận động.</p> <p>Học phần Giáo dục thể chất 3 – Bóng đá 2 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, phương pháp tập luyện và các nguyên lý cơ bản khi tập luyện kỹ thuật đá bóng bằng lòng và bằng mu trong bàn chân, thực hiện các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.</p> <p>Học phần Giáo dục thể chất 3 – Hip Hop 2 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp luyện tập. Tư thế chuẩn bị động tác, có khả năng tạo dáng tư thế tay, chân chuẩn của động tác. Giới thiệu cách di chuyển bước chân gồm: di chuyển đơn, di chuyển đôi, bước tiến, bước lùi, bước chéo chéo, bước xoay người. Kỹ thuật xoay người an toàn phát triển các cơ toàn cơ thể, rèn kỹ năng linh hoạt và nhạy bén khi kết hợp với nhạc, phát huy tính đồng đội và tự ý thức của bản thân, cảm nhận sự uyển chuyển của đôi tay, đôi chân và toàn cơ thể, sự dứt khoát trong động tác. Giúp những sinh viên thụ động trở nên năng động hơn. Truyền cảm hứng và nhiệt huyết vào bài nhảy. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.</p>	<p>technique, backhand cutting. The course also provides professional physical development exercises.</p> <p>Physical Education 3 - Volleyball 2: helps students understand the content, principles and practice methods, the technique of passing the ball in front of the face and the technique of hitting the box 4. The course also provides professional training and physical games.</p> <p>Physical Education 3 – Football 2: helps students understand the content, training methods and basic principles when practicing soccer techniques with the soles and insteps of the feet, performing exercises professional fitness development.</p> <p>Physical Education 3 – Hip Hop 2: helps students understand the content, principles and methods of practice; The posture of preparing the movement, capable of creating the standard posture of the hands and feet of the movement; Introduction to walking steps include: single move, double move, forward step, backward step, diagonal step, turn step; The safe turning technique develops the muscles of the whole body, trains flexibility and sensitivity skills when combined with music, promotes teamwork and self-awareness, feels the flexibility of the hands, legs and whole body, decisiveness in movement. The course helps passive students become more active; inspire and encourage students into the dancing. The course also provides professional physical development exercises.</p>
<p>14. Giáo dục thể chất 4: Tự chọn 1 trong 4:</p> <p>Học phần Giáo dục thể chất 4 - Bóng bàn 3 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện bóng bàn. Kỹ thuật giật bóng thuận tay, giật bóng trái tay, kỹ thuật chặn bóng thuận tay, chặn bóng trái tay. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.</p> <p>Học phần Giáo dục thể chất 4 - Bóng chuyền 3 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện, kỹ thuật các bước di chuyển và những vị trí trên sân, kỹ thuật chặn bóng bằng hai tay và đập bóng vào ô số 2. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn và trò chơi vận động.</p>	<p>14. Physical Education 4 (Elective, choose 1 out of 4)</p> <p>Physical Education 4 - Table Tennis 3: helps students understand the content, principles and methods of table tennis practice; techniques for forehand looping, backhand looping, forehand blocking, backhand blocking. The course also provides professional physical development exercises.</p> <p>Physical Education 4 - Volleyball 3: helps students understand the content, principles and methods of practice, technique of movements and positions on the field, two-handed blocking and smashing</p>

Học phần Giáo dục thể chất 4 – Bóng đá 3 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, phương pháp tập luyện và các nguyên lý cơ bản khi tập luyện kỹ thuật giữ, dâng bóng bằng lòng và bằng mu trong bàn chân, thực hiện các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

Học phần Giáo dục thể chất 4 – Khiêu vũ Tango giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp luyện tập. Tư thế chuẩn bị động tác, có khả năng tạo dáng tư thế khung tay chuẩn của bước nam và bước nữ. Giới thiệu cách di chuyển bước chân gồm: di chuyển đơn, bước xoay người. Kỹ thuật xoay người an toàn phát triển các cơ toàn cơ thể, rèn kỹ năng linh hoạt và nhạy bén khi kết hợp với nhạc, phát huy tính đồng đội và tự ý thức của bản thân, cảm nhận sự uyển chuyển của đôi tay, đôi chân và toàn cơ thể, sự dứt khoát trong động tác. Giúp những sinh viên thụ động trở nên năng động hơn.

Truyền cảm hứng và nhiệt huyết vào bài nhảy. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

15. Giáo dục thể chất 5: Tự chọn 1 trong 4:

Học phần Giáo dục thể chất 5 - Bóng bàn 4 giúp cho sinh viên hiểu được các bài chiến thuật, nội dung thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, phương pháp tổ chức trọng tài, luật bóng bàn và các nguyên tắc và phương pháp luyện tập bóng bàn. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.

Học phần Giáo dục thể chất 5 - Bóng chuyền 4 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện bóng chuyền, biết được luật bóng chuyền, kích thước sân bãi, trọng tài và tổ chức một trận thi đấu bóng chuyền. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn và trò chơi vận động.

Học phần Giáo dục thể chất 5 – Bóng đá 4 giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, phương pháp tập luyện và các nguyên lý cơ bản khi tập luyện kỹ thuật đá bóng bằng lòng và bằng mu trong bàn chân, ném biên và

techniques in box 2; provides exercises to develop professional physical strength and movement games.

Physical Education 4 – Football 3: helps students understand the content, practice methods and basic principles when practicing the technique of holding and dribbling with the soles and insteps of the foot, performing the professional physical development exercises. Physical Education 4 – Tango dance: helps students understand the content, principles and methods of practice; Preparatory posture, capable of creating standard arm postures of male and female steps; Introduction to walking steps include: single move, turn step; The safe turning technique develops the muscles of the whole body, trains flexibility and sensitivity skills when combined with music, promotes teamwork and self-awareness, feels the flexibility of the hands, legs and whole body, decisiveness in movement. The course helps passive students become more active; inspire and encourage students into the dancing. The course also provides professional physical development exercises.

15. Physical Education 5 (Elective, choose 1 out of 4)

Physical Education 5 - Table Tennis 4: helps students understand tactics, competition content, competition organization methods, refereeing methods, table tennis rules and principles and methods. table tennis practice. The course also provides professional physical development exercises.

Physical Education 5 - Volleyball 4: helps students understand the content, principles and methods of volleyball practice, know volleyball rules, yard size, referee and organize a match volleyball. There are also exercises to develop professional physical strength and movement games.

Physical Education 5 – Football 4: helps students understand the content, practice methods and basic principles when practicing ball kicking techniques with the soles and insteps of the foot, throw-ins and

<p>dẫn bóng và nhận bóng, chuyển bóng cự ly xa và trung bình, thực hiện các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.</p> <p>Học phần Giáo dục thể chất 5 – Khiêu vũ Cha Cha giúp cho sinh viên hiểu được nội dung, các nguyên tắc và phương pháp luyện tập. Tư thế chuẩn bị động tác, có khả năng tạo dáng tư thế khung tay chuẩn của bước nam và bước nữ. Giới thiệu cách di chuyển bước chân gồm: di chuyển đơn, bước xoay người. Kỹ thuật xoay người an toàn phát triển các cơ toàn cơ thể, rèn kỹ năng linh hoạt và nhạy bén khi kết hợp với nhạc, phát huy tính đồng đội và tự ý thức của bản thân, cảm nhận sự uyển chuyển của đôi tay, đôi chân và toàn cơ thể, sự dứt khoát trong động tác. Giúp những sinh viên thụ động trở nên năng động hơn. Truyền cảm hứng và nhiệt huyết vào bài nhảy. Các bài tập phát triển thể lực chuyên môn.</p>	<p>dribbles and receive the ball, pass the ball long and medium distances, perform specialized physical development exercises.</p> <p>Physical Education 5 – Cha Cha Dance: helps students understand the content, principles and methods of practice; Preparatory posture, capable of creating standard arm postures of male and female steps; Introduction to walking steps include: single move, turn step. The safe turning technique develops the muscles of the whole body, trains flexibility and sensitivity skills when combined with music, promotes teamwork and self-awareness, feels the flexibility of the hands, legs and whole body, decisiveness in movement. The course helps passive students become more active; inspire and encourage students into the dancing. The course also provides professional physical development exercises.</p>
<p>16. Giáo dục quốc phòng 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam</p>	<p>16. National Defense Education 1: The Communist Party's military policies</p>
<p>17. Giáo dục quốc phòng 2: Công tác quốc phòng và an ninh</p>	<p>17. National Defense Education 2: Defense and security works</p>
<p>18. Giáo dục quốc phòng 3: Quân sự chung</p>	<p>18. National Defense Education 3: General and Tactical Military</p>
<p>19. Giáo dục quốc phòng 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật</p>	<p>19. National Defense Education 4: Infantry combat techniques and tactics</p>
<p>20. Ngoại ngữ chuyên ngành Kiến trúc cảnh quan</p> <p>Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kiến trúc cảnh quan trang bị cho người học các thuật ngữ chuyên ngành cơ bản và các cách diễn đạt tiếng Anh phổ biến trong ngôn ngữ khoa học và nghệ thuật. Ngoài ra, học phần cũng hướng dẫn cấu trúc câu thường được sử dụng trong văn phong khoa học. Từ đó, người học hiểu và vận dụng kiến thức về thuật ngữ và ngữ pháp vào quá trình đọc tài liệu, cũng như viết và nói về những vấn đề liên quan chuyên ngành bằng tiếng Anh.</p>	<p>20. English for Landscape Architecture</p> <p>The course equips students with basic technical terms and common English expressions in the languages of science and arts. In addition, the course also guides the sentence structure commonly used in scientific writing. From there, students understand and apply knowledge of terminology and grammar to the process of reading documents, as well as writing and speaking about course-related issues in English.</p>
<p>21. Kỹ năng bản thân ngành KTCQ</p> <p>Cung cấp các kiến thức chuyên sâu về kỹ năng thực hành để sinh viên có thể hiểu rõ và vận dụng các kỹ năng này vào trong công việc học tập và đời sống thực tế. Đồng thời nâng cao khả năng phối hợp với nhau</p>	<p>21. Personal skills</p> <p>The course provides in-depth knowledge of practical skills so that students can understand and apply these skills in their academic work and real life. At the same time, students can improve their ability to</p>

<p>trong quá trình làm việc nhóm. Giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của việc làm chủ các kỹ năng để từ đó nâng cao năng lực bản thân giúp cho việc học tập đạt kết quả tốt hơn và đáp ứng được những kỹ năng cần thiết mà nhà tuyển dụng và xã hội yêu cầu.</p>	<p>cooperate with each other during group work. The course helps students realize the role and importance of mastering skills, thereby improving their own capacity to help them achieve better learning results and meet the necessary skills that employers need and the society requires.</p>
<p>22. Nguyên lý thiết kế kiến trúc Nhà ở</p> <p>Trình bày tổng quan các khái niệm cơ bản về kiến trúc nhà ở, phân loại và phân cấp, các chức năng cơ bản và yêu cầu chung của kiến trúc nhà ở.</p> <p>Trình bày các yếu tố có ảnh hưởng và tác động đến quá trình thiết kế kiến trúc nhà ở. Hiểu biết cách ứng xử của người thiết kế trong quy hoạch tổng thể khu nhà ở, các vấn đề về công năng, thẩm mỹ, kỹ thuật được vận dụng vào thiết kế nhà ở.</p> <p>Trình bày các nguyên tắc cơ bản trong thiết kế các thể loại kiến trúc nhà ở phổ biến trong đô thị, nội dung và yêu cầu tổ chức của các không gian chức năng trong các dạng nhà ở khác nhau.</p> <p>Thông qua bài giảng lý thuyết và thực hành, sinh viên sẽ phát triển được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể đánh giá, phân tích các đặc điểm của khu đất, nguyên lý thiết kế, nhu cầu của người sử dụng... để có thể đưa ra các giải pháp thiết kế kiến trúc nhà ở phù hợp nhất.</p>	<p>22. Principle of Residential Architecture Design</p> <p>Presents an overview of the basic concepts of residential architecture, classification and hierarchy, basic functions, and general requirements of residential architecture.</p> <p>Presents the influencing factors and impacts on the architectural design process of houses; how the designer behaves in the master plan of the housing area, the functional, aesthetic; and technical issues applied to the housing design.</p> <p>Presents basic principles in designing popular residential architectural genres in urban areas, contents and organizational requirements of functional spaces in different housing types.</p> <p>Through theoretical and practical lectures, students will develop the necessary knowledge and skills to be able to assess and analyze site characteristics, design principles, and user needs, etc. to be able to offer the most suitable housing architectural design solutions.</p>
<p>23. Nguyên lý thiết kế công trình công cộng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môn học trình bày tổng quan các khái niệm cơ bản về kiến trúc và phân loại, phân cấp CTCC, các tiêu chuẩn và qui chuẩn trong thiết kế CTCC - Trình bày phương pháp sáng tác, trình tự thiết kế CTCC - Trình bày các nguyên tắc thiết kế CTCC: các không gian chức năng, giao thông và dây chuyền sử dụng trong CTCC - Trình bày nguyên tắc thiết kế an toàn thoát người trong CTCC - Trình bày nguyên tắc thiết kế tia nhìn cho nền dốc khán phòng và độ dốc của khán đài công trình TDTT 	<p>23. Public Building Design Principles</p> <ul style="list-style-type: none"> - The course presents an overview of the basic concepts of public structure architecture and classification, hierarchical structure, standards and norms in public structure design. - The method of composing, the order of designing public works - Principles of public structure design: functional spaces, traffic and lines used in public buildings - Principles of safe design for escape in public transport - Principles of designing a view for the auditorium's slope and the slope of the stands of the sport and sports building

<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nguyên tắc thiết kế tổ hợp không gian mặt bằng và hình khối mặt đứng kiến trúc CTCC <p>Trình bày các vấn đề kỹ thuật ảnh hưởng đến thiết kế kiến trúc CTCC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - The design principles of the combination of ground space and architectural facades of public buildings - Technical issues affecting the architectural design of public buildings
<p>24. Cấu tạo Kiến trúc 1</p> <p>Giới thiệu tổng quan về vai trò của thiết kế cấu tạo kiến trúc trong thiết kế, thi công xây dựng, vận hành, sửa chữa công trình kiến trúc dân dụng.</p> <p>Giới thiệu tổng quan về các vật liệu xây dựng (tính năng), các cấu kiện tham gia vào hình thành nên công trình kiến trúc và nhiệm vụ của thiết kế cấu tạo.</p> <p>Trình bày trình tự nhiên cứu thiết kế cấu tạo: Nguyên tắc thiết kế; Vật liệu xây dựng ứng dụng và giải pháp thiết kế chi tiết cấu tạo để hình thành các bộ phận cấu kiện của công trình, đảm bảo cho công trình kiến trúc ổn định, bền vững, đảm bảo yêu cầu tạo lập không gian kiến trúc đáp ứng nhu cầu sử dụng của con người khai thác được các tác động có lợi từ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và cũng đồng thời tránh các tác động bất lợi từ môi trường tự nhiên, môi trường xã hội.</p> <p>Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tư duy sáng tạo ra các chi tiết cấu tạo phù hợp với công trình, khả năng làm việc độc lập, khả năng tìm kiếm phân tích, hiểu được tài liệu chuyên ngành có liên quan, khả năng thể hiện, trình bày các hình vẽ kỹ thuật đúng quy cách đáp ứng các yêu cầu của bản vẽ thiết kế kỹ thuật kiến trúc.</p>	<p>24. Principle of Building Construction 1</p> <p>The course provides an overview of the role of architectural structural design in the design, construction, operation, and repair of civil architecture works.</p> <p>An overview of building materials (features), components in the formation of architectural works and tasks of structural design.</p> <p>Natural presentation of structural design research: Design principles; Application of building materials and detailed structural design solutions to form structural parts of the building, ensuring stable and sustainable architecture, and ensuring the requirements of creating architectural space that meet the needs of human use, exploit the beneficial impacts from the natural environment, the social environment and at the same time avoid the adverse impacts from the natural environment and the social environment.</p> <p>Trains students in creative thinking skills to create structural details suitable for the project, the ability to work independently, the ability to search and analyze, the understanding of relevant specialized documents, the ability to express and present technical drawings properly to meet the requirements of architectural technical design drawings.</p>
<p>25. Quy hoạch Xây dựng đô thị</p> <p>Học phần này bao gồm 2 phần: Đô thị và Quy hoạch đô thị. Phần Đô thị sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về môi trường xây dựng, phân loại loại đô thị tại Việt Nam, quá trình đô thị hóa và các lý luận đô thị. Phần Quy hoạch đô thị cung cấp kiến thức cơ bản quy hoạch xây dựng các khu chức năng trong đô thị và quy hoạch chung xây dựng đô thị. Học phần cũng hướng sự quan tâm của sinh viên đến những tác động qua lại giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường và chính trị trong mối quan hệ với sự hình thành và phát triển của các đô thị. Thông</p>	<p>25. Urban Planning</p> <p>This course consists of 2 parts: Cities and Urban Planning. The Cities section will provide students with basic knowledge about the built environment, urban classification in Vietnam, urbanization process and urban theories. The Urban Planning section provides basic knowledge of planning for construction of functional areas in urban areas and general planning for urban construction. The course also directs students' attention to the interplay between economic, social, environmental and political factors in relation to the formation and</p>

<p>qua các bài giảng lý thuyết và giờ thực hành, sinh viên sẽ phát triển được các kiến thức và kỹ năng cần thiết để áp dụng trong các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị.</p>	<p>development of cities. Through theoretical lectures and practical hours, students will develop the necessary knowledge and skills to apply in urban construction planning projects.</p>
<p>26. Phương pháp nghiên cứu và công cụ QH</p> <p>Học phần chú trọng trang bị kiến thức về phương pháp luận, khả năng tư duy hệ thống, có logic và phản biện độc lập. Sinh viên sẽ được tiếp cận các phương pháp và công cụ hỗ trợ phổ biến có thể áp dụng trong lĩnh vực quy hoạch. Học phần được phân bổ làm 3 phần:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Phần 1</u>: Tổng quan về hoạt động nghiên cứu khoa học 2. <u>Phần 2</u>: Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu <p>Phần 3: Các công cụ hỗ trợ lập và quản lý quy hoạch</p>	<p>26. Research Methods and Planning Tools</p> <p>The course focuses on equipping knowledge of methodology, the ability to think systematically, with logic and independent criticism. Students will have access to common methods and support tools that can be applied in the field of planning. The course is divided into 3 parts:</p> <p><u>Part 1</u>: Overview of scientific research activities</p> <p><u>Part 2</u>: Methodology and research methods</p> <p><u>Part 3</u>: Tools to support planning and management</p>
<p>27. Vật lý đô thị</p> <p>Học phần này bao gồm 3 nội dung chính: quang học, âm học và nhiệt khí hậu học.</p> <p>Quang học giới thiệu từ các quy luật ánh sáng tự nhiên, đến việc ứng dụng tạo ra các nguồn sáng nhân tạo và các nguyên lý thiết kế chiếu sáng trong không gian công cộng.</p> <p>Âm học tập trung chủ yếu vào bản chất truyền âm ngoài trời để đề ra các giải pháp quy hoạch và trang bị thêm nhằm giảm thiểu tiếng ồn tác động vào các khu dân cư.</p> <p>Nhiệt khí hậu nhân mạnh yếu tố khí hậu địa phương tác động lên giải pháp chống nóng bên ngoài công trình và thông gió trong đô thị. Phần này bao gồm 2 nền tảng quan trọng là vận dụng quy luật mặt trời và dự đoán luồng gió tự nhiên vào tổ chức không gian các khu đô thị.</p>	<p>27. Urban Physics</p> <p>This course covers 3 main topics: optics, acoustics and thermoclimatology.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Optics: introduces from the laws of natural light, to the creation of artificial light sources and the principles of lighting design in public spaces. - Acoustics: focuses mainly on the nature of outdoor sound transmission to propose planning and retrofit solutions to minimize noise impact on residential areas. - Climatic heat: emphasizes the local climate factors affecting the solution of heat protection outside buildings and ventilation in urban areas. This section includes two important foundations: applying the laws of the sun and predicting the natural wind flow into the spatial organization of urban areas.
<p>28. Xã hội học đô thị</p> <p>Học phần bao gồm 3 phần: Những lý thuyết xã hội học; Cộng đồng dân cư đô thị và Xu hướng biến đổi trong đô thị. Phần lý thuyết sẽ giới thiệu những khái niệm và lý thuyết chung liên quan đến Xã hội học đô thị. Phần cộng đồng dân cư đô thị trình bày về mối quan hệ giữa các nhóm người khác nhau và phần xu hướng biến đổi trong đô thị đề cập tới</p>	<p>28. Urban Sociology</p> <p>The course consists of 3 parts: Sociological theories; Urban communities and changing trends in urban areas. The Sociological Theories part will introduce general concepts and theories related to Urban Sociology. The Urban Community section presents the relationship between different groups of people, and the urban change</p>

<p>khuynh hướng phát triển đô thị. Thông qua các bài giảng lý thuyết và giờ thực hành, sinh viên sẽ xây dựng quan niệm thực tiễn và mục tiêu của chính họ để làm việc có hiệu quả về phương diện học thuật cũng như với những dự án thiết kế kiến trúc thực tế.</p>	<p>trend section deals with urban development trends. Through theoretical lectures and practical hours, students will develop their own practical conceptions and goals to work effectively academically as well as on real architectural design projects.</p>
<p>29. Đồ án Cơ sở Kiến trúc 1</p> <p>Học phần từng bước trang bị kiến thức và kỹ năng cho sinh viên từ việc nắm bắt các tiêu chuẩn cơ bản trong công tác vẽ kỹ thuật như: trình bày bản vẽ, đường nét, chữ số, tỉ lệ, hình chiếu vuông góc, phương pháp sử dụng các họa cụ thường dùng... cho đến qui cách thiết lập các hình chiếu cơ bản của một công trình kiến trúc.</p>	<p>29. Fundamental Architecture Project 1: Architectural drawings</p> <p>The course equips students with knowledge and skills from understanding of basic standards in technical drawing such as: drawing presentation, lines, numbers, scale, perpendicular projection, the method of using commonly used drawing tools, etc. to the specification of setting up the basic projections of an architectural work.</p>
<p>30. Đồ án cơ sở KTCQ 1 – Diễn họa KTCQ</p> <p>Đây là học phần đồ án cơ sở năm nhất, cung cấp cho sinh viên (SV) các nền tảng kiến thức về việc thể hiện một đồ án kiến trúc cảnh quan nhằm nâng cao kỹ năng thể hiện ý tưởng và diễn họa ý tưởng bằng tay cũng như việc thể hiện bằng mô hình không gian. Sinh viên tự nghiên cứu về một kiến trúc sư cảnh quan mà mình yêu thích và học cách thu thập, lựa chọn dữ liệu nghiên cứu làm cơ sở để thực hiện giai đoạn thể hiện bản vẽ. SV thể hiện các thông tin và dữ liệu đã nghiên cứu theo bố cục và các thành phần hoàn chỉnh để trình bày những hiểu biết về kiến trúc sư cảnh quan đó dưới dạng một “poster”.</p>	<p>30. Landscape Architecture Basic Exercises 1: Landscape Architecture Illustration</p> <p>This is a first-year foundation project course, providing students with knowledge for representing a landscape architecture project in order to improve their skills in expressing ideas and visualizing ideas by hand as well as representation by spatial model. Students will research about a landscape architect they love and learn how to collect and select research data as the basis for performing the drawing presentation phase. Students present the information and data studied in a complete layout and components to present the landscape architect insights in the form of a “poster”.</p>
<p>31. Đồ án cơ sở KTCQ 2 – Vẽ ghi KTCQ</p> <p>Đây là DA cơ sở chuyên ngành KTCQ, cung cấp cho SV kiến thức về các yếu tố hình thành KTCQ, kỹ năng quan sát, phân tích và cảm nhận các yếu tố đó. SV thực hiện nhóm và cá nhân thực hiện khảo sát và phân tích vị trí khu vực nghiên cứu, mối quan hệ của KTCQ khu vực nghiên cứu với các khu vực xung quanh. Phân tích các khu chức năng, trực cảnh quan, giao thông, hướng nhìn, tầm nhìn trong công viên. Nhóm SV thực hiện đo vẽ hiện trạng và thu thập dữ liệu vẽ ghi thực địa một khu vực giới hạn với quy mô xác định bởi giáo viên hướng dẫn.</p>	<p>31. Landscape Design Fundamental Project 2</p> <p>This is a fundamental project with focus on landscape architecture, providing students with knowledge about the factors that form landscape architecture, skills to observe, analyze and perceive those factors. Students will work in groups and individually to survey and analyze the location of the research area, the relationship of the landscape archeology of the study area with the surrounding areas; analyze of functional areas, landscape axis, traffic, direction of view, vision in the park. Each group will perform measurements of the current status and collect data draw a field record of a limited area with</p>

<p>Tổng hợp hoàn thiện hồ sơ vẽ ghi theo tiêu chuẩn kĩ thuật, nội dung thành phần hồ sơ theo yêu cầu của đồ án.</p>	<p>a scale determined by the instructor; summarize and complete the drawing records according to the technical standards, the content of the dossier components according to the requirements of the project.</p>
<p>32. Đồ án cơ sở Quy hoạch 1</p> <p>Đồ án cơ sở giới thiệu cho sinh viên năm được những yêu cầu cơ bản về đường nét, màu sắc, hệ thống ký hiệu và bảng biểu trong thể hiện và trình bày một đồ án quy hoạch. Kiến thức và kỹ năng tổng quát để thể hiện một phần hồ sơ bản vẽ quy hoạch chiết sẽ lần lượt được trang bị cùng với việc tiếp cận thực tế về các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong các giai đoạn của đồ án.</p> <p>Học phần đồ án này bao gồm 2 nội dung chính là thể hiện theo quy cách bản vẽ kỹ thuật về <i>Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất</i> một “<i>Đơn vị ở</i>” và diễn họa về <i>Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan</i> các nhóm nhà ở liền kề, biệt thự và chung cư.</p>	<p>32. Fundamental Planning Project 1</p> <p>This fundamental project introduces students to the basic requirements of lines, colors, symbols and tables in representing and presenting a planning project; general knowledge and skills to represent a part of the detailed planning drawings will be in turn equipped with a practical approach to the economic and technical indicators in the phases of the project.</p> <p>This project course includes 2 main contents, which are shown according to the technical drawings of the master plan of land use for a "residential unit" and the visualization of the spatial organization of landscape architecture and groups. townhouses, villas and apartments.</p>
<p>33. Bố cục không gian</p> <p>Trong học phần, sinh viên sẽ làm việc cá nhân bằng mô hình trong suốt đồ án.</p> <p>Học phần thông qua các bài tập thực hành giúp sinh viên hiểu rõ hơn việc ứng dụng các nguyên lý thiết kế, thủ pháp nghệ thuật nhằm tạo nên tính thẩm mỹ và sự cân xứng trong hình khối kiến trúc.</p> <p>Dựa vào các bài tập thực hành, sinh viên sẽ biết áp dụng các nguyên tắc bố cục để bố cục, tổ hợp nhiều khối trong không gian, tạo ra tính thẩm mỹ, thống nhất và trật tự trong không gian cảnh quan đô thị thực tế.</p>	<p>33. Physical Composition</p> <p>During the course, students will work individually with models throughout the project.</p> <p>Through practical exercises, students will better understand the application of design principles and artistic tricks to create aesthetics and symmetry in architectural shapes.</p> <p>Based on practical exercises, students will know how to apply layout principles to layout, combine many blocks in space, create aesthetics, unity and order in real urban landscape space. economic.</p>
<p>34. Cơ sở văn hóa Việt Nam</p> <p>Học phần Cơ sở Văn hóa Việt Nam trang bị kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam, giúp sinh viên hiểu và nhận diện được những đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam ở các phương diện văn hóa nhận thức; văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng; văn hóa tổ chức đời sống cá nhân và văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên khả năng tự tìm hiểu, nghiên cứu một vấn đề thuộc về lĩnh vực văn hóa - xã hội.</p>	<p>34. The Fundamentals of Vietnamese Culture</p> <p>The course equips students with basic knowledge about Vietnamese culture, helping students understand and identify the basic features of Vietnamese culture in terms of cultural awareness; organizational culture of community life; culture that organizes personal life and the culture that deals with the natural and social environment. In addition, the course also equips students with the ability to self-study and research a problem in the socio-cultural field.</p>
<p>35. Mỹ học đại cương</p>	<p>35. General Aesthetics</p>

<p>Mỹ học là khoa học triết học nghiên cứu những quy luật cơ bản và phổ biến của các quan hệ thẩm mỹ, trong đó cái đẹp là phạm trù trung tâm, hình tượng là đặc trưng cơ bản, nghệ thuật là biểu hiện tập trung nhất của các quan hệ thẩm mỹ.</p> <p>Học phần trang bị những kiến thức sau cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quá trình hình thành và phát triển khoa học mỹ học + Các quan hệ thẩm mỹ của con người với đời sống hiện thực + Những phạm trù thẩm mỹ cơ bản + Chủ thể thẩm mỹ + Giáo dục thẩm mỹ <p>Đây là học phần cơ sở, trang bị những kiến thức lý luận nền tảng về các hoạt động của đời sống thẩm mỹ, hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động chuyên môn của sinh viên.</p>	<p>Aesthetics is a philosophical science that studies the basic and universal laws of aesthetic relations, in which beauty is the central category, image is the basic feature, and art is the most concentrated expression of aesthetic relations.</p> <p>The course equips students with the following knowledge:</p> <ul style="list-style-type: none"> + The process of formation and development of aesthetic science + People's aesthetic relations with real life + Basic aesthetic categories + Aesthetic course + Cosmetology education <p>This is a Foundational Course, equipping students with theoretical foundational knowledge about the activities of aesthetic life, directly supporting the professional activities of students.</p>
<p>36. Cơ sở tạo hình mỹ thuật trong không gian kiến trúc</p> <p>Môn học giới thiệu cho sinh viên cái nhìn tổng quan về vai trò và phạm vi ứng dụng của Mỹ thuật trong không gian Kiến trúc và không gian Đô thị (từ quy mô lớn của Thiết kế Đô thị, Thiết kế Cảnh quan đến quy mô nhỏ nhất của Thiết kế Kiến trúc),</p>	<p>36. Fine-Art Elements in Architecture Spaces and Urban Spaces</p> <p>The course introduces students to an overview of the role and scope of application of Fine Arts in the space of Architecture and Urban space (from the large scale of Urban Design, Landscape Design to the large scale of Architectural Design),</p>
<p>37. Kiến trúc cảnh quan nhập môn</p> <p>Học phần này cung cấp những kiến thức mang tính cơ bản, định hướng cho sinh viên bước đầu tiếp cận với ngành kiến trúc cảnh quan (KTCQ). Thông qua học phần, sinh viên sẽ nắm bắt khái quát những vấn đề chung nhất từ bản chất, lịch sử, quá trình phát triển đến một số xu hướng hiện nay trong ngành kiến trúc cảnh quan. Đồng thời kết hợp với những kiến thức mang tính lý thuyết là những bài tập kỹ năng cơ bản tạo cho sinh viên thói quen rèn luyện, khám phá tính sáng tạo thông qua từng nét bút phác thảo, cũng như có cơ hội nghiên cứu, học hỏi những công trình cảnh quan trong nước và trên thế giới.</p>	<p>37. Landscape Architecture Introduction</p> <p>This course provides basic knowledge and orientation for students to initially approach the landscape architecture industry. Through the course, students will grasp the most common issues from the nature, history, development process to some current trends in the landscape architecture industry. At the same time, combined with theoretical knowledge, the course provides basic skills exercises that give students the habit of practicing, exploring creativity through each sketch, as well as having the opportunity to research, learn about landscape works in the country and in the world.</p>
<p>38. Sinh thái học ứng dụng</p> <p>Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về sinh thái học ứng dụng trong KTCQ: hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo (hệ sinh thái đô thị), cảnh quan học, sinh thái học cảnh quan, thực vật làm cảnh và</p>	<p>38. Applied Ecology</p> <p>This course provides the most basic knowledge about applied ecology in landscape architecture: natural and artificial ecosystems (urban ecosystems), landscape studies, landscape ecology, ornamental plants</p>

<p>các ứng dụng trong qui hoạch và quản lý môi trường tăng trưởng trong thiết kế cảnh quan, sự tích hợp của hệ sinh thái tự nhiên và kiến trúc cảnh quan (KTCQ). Sinh viên được đi tham quan thực tế, thực hành, giao bài tập về mô phỏng hệ sinh thái tự nhiên cho một công trình KTCQ, cải thiện một sinh cảnh bị mất mát đa dạng sinh học để phát triển thành một dự án KTCQ có tính đa dạng về sinh học.</p>	<p>and applications in planning and management of growth environments in landscape design, the integration of natural ecosystems and landscape architecture. Students are allowed to go on field trips, practice, and assign exercises on simulating natural ecosystems for an eco-architecture project, improve a habitat that has lost biodiversity to develop into an eco-environment project that has a biological diversity.</p>
<p>39. Nguyên lý kiến trúc cảnh quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết những khái niệm, đặc điểm và quá trình phát triển của lý thuyết Kiến trúc cảnh quan. Phân biệt được đặc trưng, vai trò, lĩnh vực Kiến trúc Cảnh quan với các ngành khác. - Nắm vững được các lý thuyết quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan khác nhau (cảnh quan vùng, cảnh quan đô thị, cảnh quan nông thôn...) và hiểu cách chúng được áp dụng vào những đề xuất về quy hoạch, các đề xuất kinh tế-xã hội và không gian cho một số hoạt động thực hành quy hoạch và thiết kế Kiến trúc Cảnh quan. - Định hướng cho người học những nhìn nhận mang tính thực tiễn áp dụng với điều kiện địa phương, cập nhật các kinh nghiệm, kiến thức mới của thế giới trong lĩnh vực này và đồng thời cũng đề cập sâu vào việc áp dụng tại Việt Nam. 	<p>39. Theory of Landscape Architecture</p> <p>Through this course, students will:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Understand the concepts, characteristics and development process of the theory of Landscape Architecture; Distinguish the characteristics, roles and fields of Landscape Architecture with other disciplines. - Master the different theories of planning and landscape architecture design (regional landscape, urban landscape, rural landscape...) and understand how they are applied to planning proposals, socio-economic and spatial proposals for some practice of planning and designing Landscape Architecture. - Be oriented on practical perspectives applied to local conditions, updating new experiences and knowledge of the world in this field, and at the same time deeply mentioning the application in Vietnam. Male.
<p>40. Công cụ hỗ trợ trong thiết kế cảnh quan</p> <p>Nội dung học phần là những kiến thức và kỹ năng thực hành về một số công cụ dùng trong công tác thiết kế kiến trúc cảnh quan, tập trung chủ yếu vào một số phần mềm thiết kế được sử dụng phổ biến trong công tác thiết kế cảnh quan như AutoCAD, SketchUp; cung cấp kiến thức tổng quan về phần mềm Photoshop, Lumion, cách sử dụng và phối hợp với AutoCAD, SketchUp</p> <p>Việc nắm vững nội dung học phần này sẽ giúp sinh viên có thể thực hiện hiệu quả hơn các đồ án trong quá trình học cũng như quá trình tham gia các công tác thiết kế sau này.</p>	<p>40. Tools Support Landscape Design</p> <p>The course provides knowledge and practical skills about a number of tools used in landscape architecture design, with the main focus on a number of design software commonly used in design work. landscape like AutoCAD, SketchUp; provides an overview of Photoshop, Lumion software, how to use and coordinate with AutoCAD, SketchUp</p> <p>Mastering the content of this course will help students more effectively implement projects during their studies as well as later in the process of participating in design work.</p>
<p>41. Lịch sử kiến trúc cảnh quan</p> <p>Học phần Lịch sử kiến trúc cảnh quan giới thiệu cho sinh viên bản chất, đối tượng nghiên cứu, phương pháp thiết kế, điều kiện văn hóa xã</p>	<p>41. History of Landscape Architecture</p> <p>The course introduces students to the nature, research objects, design methods, socio-cultural conditions that affect the main design</p>

<p>hội tác động đến các loại hình thiết kế chính của Kiến trúc cảnh quan qua các thời kỳ lịch sử từ cổ đại đến đương đại.</p> <p>Thông qua các hình thức thiết kế cảnh quan được giới thiệu theo trình tự thời gian và bối cảnh xã hội tương ứng, sinh viên sẽ nhận diện được các trào lưu và hình thức kiến trúc cảnh quan, ngôn ngữ thiết kế sử dụng và ý nghĩa của nghành kiến trúc cảnh quan trong đời sống nhân loại.</p>	<p>types of Landscape Architecture through history from ancient to contemporary.</p> <p>Through the forms of landscape design introduced in chronological order and corresponding social context, students will identify trends and forms of landscape architecture, design language used and ideas. The meaning of landscape architecture in human life.</p>
<p>42. Quy hoạch vườn – công viên</p> <p>Học phần giúp người học tổng hợp các kiến thức chuyên sâu về quy hoạch và thiết kế thể loại kiến trúc cảnh quan vườn & công viên đô thị. Học phần cung cấp quy trình, các phương pháp phân tích cảnh quan và nguyên tắc quy hoạch và thiết kế chuyên sâu thể loại vườn & công viên đô thị nhằm đảm bảo kiến trúc cảnh quan có chất lượng đặc trưng, bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên và văn hóa của khu vực.</p> <p>Thông qua các bài giảng lý thuyết này, người học sẽ hình thành được thái độ, phát triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết là cơ sở nền tảng để thực hiện Học phần Đồ án KTCQ 4: Quy hoạch công viên.</p>	<p>42. Landscape Design of Urban Park</p> <p>The course helps students to synthesize in-depth knowledge about urban planning and design of landscape architecture, gardens and urban parks. The course provides the process, methods of landscape analysis and principles of planning and in-depth design of urban gardens & parks to ensure landscape architecture of distinctive quality, protecting the ecological environment and culture of the area.</p> <p>Through these theoretical lectures, students will form attitudes, develop the necessary knowledge and skills, which are the foundation for the implementation of the course “Landscape Architecture Project 4: Park”</p>
<p>43. Kỹ thuật thiết kế cảnh quan</p> <p>Học phần giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề kỹ thuật trong thiết kế và thi công cảnh quan, bao gồm quy trình xử lý hiện trạng, quy trình thực hiện thiết kế và thi công, đặc điểm kỹ thuật vật liệu, cách thức liên kết, lắp đặt và xử lý bảo quản.</p> <p>Bên cạnh các bài giảng, sinh viên thực hành triển khai chi tiết thiết kế thông qua các bài tập tuyển họa. Trong quá trình học, sinh viên được giao thực hiện các bài tập có kết hợp với việc tham quan khảo sát, vẽ ghi chi tiết cấu tạo, tìm hiểu đặc điểm vật liệu ứng dụng trong thiết kế kỹ thuật cảnh quan, để tích lũy cho mình khả năng cảm thụ chất cảm vật liệu, tạo nền tảng cho việc sáng tác thiết kế kiến trúc cảnh quan.</p>	<p>43. Landscape Design Techniques</p> <p>The course introduces students to the basic knowledge of technical issues in landscape design and construction, including the current treatment process, the design and construction implementation process, the material specification, and the design and construction process. materials, methods of bonding, installation and handling. In addition to lectures, students will practice implementing design details through drawing exercises. During the learning process, students are assigned to perform exercises in combination with field trips, surveying, drawing and recording detailed structures, learning about the characteristics of materials applied in landscape engineering design, to accumulate giving themselves the ability to feel the texture of materials, creating a foundation for composing architectural and landscape design.</p>

44. Thiết kế cây xanh

Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vấn đề cây xanh trong thiết kế và thi công cảnh quan, bao gồm cả các nội dung cơ bản về quy trình trồng, chăm sóc, bảo quản cây xanh phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở Việt Nam.

Trong quá trình học, sinh viên được giao thực hiện các bài tập có kết hợp với việc tham quan khảo sát, vẽ ghi các chủng loại cây, hoa, cây bụi, thảm cỏ để tìm hiểu đặc điểm các loài thực vật ứng dụng trong thiết kế cảnh quan. Từ đó, sinh viên tích lũy cho mình khả năng cảm thụ chất cảm về cây xanh, tạo nền tảng cho việc sáng tác thiết kế kiến trúc cảnh quan. Cuối học phần, sinh viên sẽ hoàn thành một bài tập thực hành thiết kế cây xanh thực tế.

45. Thiết kế đô thị

Học phần này cung cấp các kiến thức về lý thuyết thiết kế đô thị, nhận dạng các yếu tố tác động tới không gian công cộng trong đô thị, những vấn đề thách thức trong xu thế nghiên cứu về kinh tế, sự đàm phán về chính sách, sự tranh luận các vấn đề xã hội, môi trường,... góp phần mang lại đặc trưng phát triển đô thị ngày nay. Học phần này cũng mô tả về hoạt động thiết kế mang tính đa dạng có sự tham gia đóng góp của nhiều đối tượng trong đô thị để tạo ra môi trường đô thị có giá trị cao, và bền vững, nhấn mạnh bản sắc địa phương và công bằng xã hội. Học phần còn giới thiệu quy trình thiết kế đô thị của các quốc gia trên thế giới và bối cảnh thực tiễn thiết kế đô thị tại Việt Nam hiện nay, cũng như thực tiễn hoạt động thiết kế.

46. Hệ thống kỹ thuật đô thị

Hệ tầng kỹ thuật là một bộ phận không thể thiếu trong đô thị và có những tác động đa dạng đến kiến trúc cảnh quan. Học phần Hệ thống Kỹ thuật Đô thị sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ thống kỹ thuật hạ tầng đô thị, vai trò của hệ thống đối với đô thị, các thành phần của hệ thống kỹ thuật hạ tầng đô thị, các yêu cầu, tiêu chuẩn quy định đối với công trình hạ tầng kỹ thuật.

44. Planting Design

The course introduces students to the basic knowledge of green trees in landscape design and construction, including the basic contents of the process of planting, caring and preserving trees in accordance with local conditions. climate and soil conditions in Vietnam.

During the learning process, students are assigned to perform exercises combined with field trips, surveying, drawing and recording types of trees, flowers, shrubs, and grass to learn the characteristics of plant species applied in the study. landscape design. From there, students will develop the ability to feel the feeling of trees, creating a foundation for composing landscape architectural designs. At the end of the course, students will complete a practical green design exercise.

45. Urban Design

This course provides knowledge about urban design theory, identifying factors affecting public space in urban areas, challenging issues in research trends in economics, negotiation on policies, debates on social and environmental issues, etc. that contribute to the characteristics of urban development today. This course also describes multi-participatory design practice in the city to create sustainable, high-value urban environments that emphasize local identity. and social justice. The course also introduces the urban design process of countries around the world and the current context of urban design in Vietnam, as well as design practice.

46. Infrastructure System

The infrastructure system is an indispensable part of urban areas and has diverse impacts on landscape architecture. The course will provide students with basic knowledge about the urban infrastructure engineering system, the system's role in the city, the components of the urban infrastructure engineering system. regulations, requirements and standards for technical infrastructure works.

<p>Kết thúc học phần, sinh viên sẽ có những hiểu biết về đặc điểm, tính chất, quy định của các công trình hạ tầng kỹ thuật để có thể thiết kế cảnh quan phù hợp ở các khu vực có công trình hạ tầng và kết hợp yếu tố hạ tầng vào cảnh quan đô thị.</p>	<p>At the end of the course, students will have an understanding of the characteristics, properties and regulations of technical infrastructure works so that they can design appropriate landscapes in areas with infrastructure works and combined infrastructure elements into the urban landscape.</p>
<p>47. Cảm thụ cảnh quan</p> <p>Học phần giới thiệu những lý thuyết, tiến trình và thực hành về cảm thụ cảnh quan, nhận biết và sử dụng các phương pháp cảm thụ cảnh quan trong đánh giá đặc điểm cảnh quan, làm cơ sở cho việc hình thành nên các nguyên tắc và ý tưởng trong việc thiết kế và quy hoạch cảnh quan. Sinh viên thực hành về cảm thụ cảnh quan thông qua các loại hình nghệ thuật, sử dụng phương pháp Đánh giá đặc điểm cảnh quan (LCA) để xác định các vấn đề cần giải quyết của khu vực nghiên cứu, từ đó đề xuất các thiết kế cải thiện cảnh quan.</p>	<p>47. Landscape Perception</p> <p>The course introduces the theories, processes and practices of landscape perception, recognition and use of landscape perceptual methods in the assessment of landscape features, as a basis for the formulation of principles and ideas in landscape design and planning. Students will practice perceiving the landscape through art forms, using the Landscape Characteristic Assessment (LCA) method to identify problems that need to be solved in the study area, thereby proposing solutions. landscape design improvement.</p>
<p>48. Đồ án kiến trúc 1: Nhà ở 1</p> <p>Học phần giới thiệu các nguyên lý cơ bản và phương pháp thiết kế kiến trúc nhà ở thấp tầng</p> <ul style="list-style-type: none"> Áp dụng những kiến thức, kỹ năng từ các môn học liên quan vào việc thực hành một đồ án thiết kế kiến trúc cụ thể. Các kiến thức, kỹ năng được xây dựng dần lên theo từng tuần thành một tổng thể các kỹ năng ứng dụng cần thiết; Sinh viên được yêu cầu lập hồ sơ thiết kế kiến trúc cho một công trình nhà ở thấp tầng (biệt thự - nhà liên kế). Thông qua làm việc nhóm và làm việc cá nhân, sinh viên nắm được cách thức áp dụng các quy định và quy trình liên quan đến việc lập một đồ án thiết kế; Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá khu đất xây dựng và dữ liệu thiết kế, từ đó đưa ra giải pháp thiết kế phù hợp, đáp ứng được các yêu cầu của đồ án, thể hiện được cá tính của tác giả. 	<p>48. Architecture Design Studio 1: Housing Design 1</p> <ul style="list-style-type: none"> The course introduces the basic principles and design methods of low-rise housing architecture Apply knowledge and skills from related courses to practice a specific architectural design project. The knowledge and skills are gradually built up week by week into a set of necessary applied skills; Students are required to prepare an architectural design document for a low-rise housing project (villa - townhouse). Through group work and individual work, students will learn how to apply the rules and procedures involved in making a design project; Students apply research skills and methods to analyze and evaluate construction sites and design data, thereby providing appropriate design solutions that meet
<p>49. Đồ án Kiến trúc 2: Công cộng 1</p> <ul style="list-style-type: none"> Môn học giới thiệu nội dung đề bài thiết kế công trình Công cộng có quy mô nhỏ như văn phòng, nhà hàng thức ăn nhanh, 	<p>49. Architecture Design Studio 2: Public Achitecture 1</p> <ul style="list-style-type: none"> The course introduces the content of the design topic of public works of small scale such as offices, fast food restaurants, book

<p>cửa hàng cà phê sách... và củng cố lại lý thuyết cơ bản về nguyên lý thiết kế công trình công cộng, vật lý kiến trúc, cấu tạo kiến trúc: định nghĩa thể loại công trình, dây chuyền sử dụng, công năng, yêu cầu về thẩm mỹ, hình khối, các hệ thống kỹ thuật, các quy chuẩn - tiêu chuẩn có liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên được yêu cầu nghiên cứu và lập hồ sơ triển khai thiết kế sơ bộ cho thể loại công trình Công cộng có quy mô nhỏ. Vận dụng những kiến thức, kỹ năng từ các môn học liên quan vào việc thực hành một đồ án thiết kế kiến trúc cụ thể. Các kiến thức, kỹ năng được xây dựng dần lên theo từng tuần thành một tổng thể các kỹ năng ứng dụng cần thiết; <p>Sinh viên vận dụng các kỹ năng và nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận: hiện trạng, tự nhiên, văn hóa xã hội, kinh tế, phong tục tập quán, nguyên lý thiết kế, tiêu chuẩn qui phạm, kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước v.v... Từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu cho đồ án. Các bước này sẽ thực hiện qua 2 giai đoạn thiết kế của đồ án: Giai đoạn 1 & 2.</p>	<p>cafes, etc. and reinforces the basic theory of public works design principles. plus, architectural physics, architectural structure: definition of building types, lines of use, functions, aesthetic requirements, shapes, technical systems, relevant regulations - standards Mandarin.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Students are required to research and document the preliminary design implementation for the small-scale Public works category; apply knowledge and skills from related courses to practice a specific architectural design project. The knowledge and skills are gradually built up week by week into a set of necessary applied skills; - Students apply skills and research to analyze, evaluate and build theoretical foundations: current status, nature, socio-cultural, economic, customs and habits, design principles, standards normative standards, practical experience at home and abroad, etc.. From there, students can propose the optimal design solution for the project. These steps will be implemented through 2 design phases of the project: Phase 1 & 2.
<p>50. Đồ án Kiến trúc 3: Công cộng 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môn học giới thiệu nội dung đề bài thiết kế Trường tiểu học và củng cố lại lý thuyết cơ bản về nguyên lý thiết kế công trình công cộng, cấu tạo kiến trúc: định nghĩa thể loại công trình, dây chuyền sử dụng, công năng, yêu cầu về thẩm mỹ, hình khối, các hệ thống kỹ thuật, các quy chuẩn - tiêu chuẩn có liên quan. - Sinh viên được yêu cầu nghiên cứu và lập hồ sơ triển khai thiết kế sơ bộ cho thể loại công trình Trường tiểu học. Vận dụng những kiến thức, kỹ năng từ các môn học liên quan vào việc thực hành một đồ án thiết kế kiến trúc cụ thể. Các kiến thức, kỹ năng được xây dựng dần lên theo từng tuần thành một tổng thể các kỹ năng ứng dụng cần thiết; - Sinh viên vận dụng các kỹ năng và nghiên cứu để phân tích, đánh giá và xây dựng những cơ sở lý luận: hiện trạng, tự nhiên, xã hội, kinh tế, 	<p>50. Architecture Design Studio 3: Public Building 2</p> <ul style="list-style-type: none"> - The course introduces the content of the Primary School design topic and reinforces the basic theory of the design principles of public works, architectural structure: definition of building types, lines of use, and functions. , aesthetic requirements, shapes, technical systems, relevant regulations - standards. - Students are required to research and prepare a preliminary design implementation dossier for the Primary School project category; apply knowledge and skills from related courses to practice a specific architectural design project. The knowledge and skills are gradually built up week by week into a set of necessary applied skills; - Students apply skills and research to analyze, evaluate and build theoretical foundations: current status, nature, society, economy,

<p>phong tục tập quán, nguyên lý thiết kế, tiêu chuẩn qui phạm, kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước v.v...</p> <p>- Sinh viên áp dụng các kỹ năng và phương pháp nghiên cứu để phân tích, đánh giá địa điểm xây dựng cụ thể và từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu về kiến trúc và kỹ thuật của công trình theo yêu cầu. Từ đó đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu cho đồ án.</p>	<p>customs, design principles, standards regulations, practical experience at home and abroad, etc.</p> <p>- Students apply research skills and methods to analyze and evaluate specific construction sites and then offer optimal architectural and engineering design solutions as required. provide the optimal design solution for the project.</p>
<p>51. Đồ án KTCQ 1 – Thiết kế cảnh quan sân vườn</p> <p>Đây là đồ án thiết kế sáng tác đầu tiên của sinh viên ngành kiến trúc cảnh quan. Trong đó, sinh viên thực hành thiết kế kiến trúc cảnh quan cho một khu vực sân vườn có quy mô nhỏ (dưới 10.000m²), gắn với một công trình kiến trúc hoặc một tổ hợp khối công trình kiến trúc. Sinh viên làm việc cá nhân trong suốt quá trình thực hiện đồ án, theo 2 giai đoạn: giai đoạn 1 là thiết kế ý tưởng và giai đoạn 2 là triển khai hồ sơ thiết kế kiến trúc cảnh quan. Giai đoạn 1, sinh viên xác định nhiệm vụ thiết kế, tìm ý tưởng thiết kế và thể hiện thành bản vẽ thiết kế kiến trúc cảnh quan tổng thể cho khu vực được giao. Giai đoạn 2, sinh viên sẽ triển khai ý tưởng của mình thành thiết kế chi tiết kiến trúc cảnh quan ở mức độ hồ sơ thiết kế cơ sở.</p>	<p>51. Landscape Architecture Project 1: Garden Design</p> <p>This is the first design project for Landscape Architecture students. In which, students will practice landscape architectural design for a small garden area (under 10,000m²), associated with an architectural work or a complex of architectural blocks.</p> <p>Students will work individually during the project implementation, in two phases: Phase 1 is conceptual design and Phase 2 is the implementation of landscape architecture design documents. In Phase 1, students will identify design tasks, find design ideas and translate them into overall landscape architectural design drawings for the assigned area. For Phase 2, students will implement their ideas into detailed design of landscape architecture at the level of basic design documents.</p>
<p>52. Đồ án KTCQ 2 – Thiết kế cảnh quan không gian công cộng</p> <p>Đồ án được xây dựng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản đối với thể loại thiết kế cảnh quan quy mô lớn.</p> <p>Nghiên cứu mối quan hệ giữa không gian công cộng với sự hình thành và phát triển của một không gian đô thị cụ thể. Ngoài ra, cấu trúc của một không gian công cộng nằm trong tổng thể của một khu vực cụ thể sẽ được phân tích và làm rõ.</p> <p>Xác định được bối cảnh và điều kiện hiện trạng cụ thể của từng khu vực, qua đó, những phương án thiết kế phù hợp với thực tế khu vực sẽ được đề xuất dựa trên những tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam.</p>	<p>52. Landscape Architecture Project 2: Landscape Design of Public Space</p> <p>The project is designed to provide students with basic knowledge for the large-scale landscape design genre;</p> <p>Students will learn about the relationship between public space and the formation and development of a specific urban space. In addition, the structure of a public space within the totality of a particular area will be analyzed and clarified.</p> <p>Students will determine the specific current context and conditions of each area, through which, design options suitable to the regional reality will be proposed based on Vietnam's standards and regulations.</p>
<p>53. Đồ án KTCQ 3 – Thiết kế trục cảnh quan</p>	<p>53. Landscape Architecture Project 3: Landscape Axis Design</p>

<p>Học phần đồ án Thiết kế trục cảnh quan là học phần đồ án nghiên cứu thiết kế kiến trúc cảnh quan cho một trục đường trong đô thị hoặc trong một khu vực có yêu cầu đặc thù về cảnh quan. Dựa trên định hướng phát triển không gian của một khu vực, sinh viên được yêu cầu thiết kế kiến trúc cảnh quan cho một trục cảnh quan có chiều dài từ 150-500 m.</p> <p>Đồ án này, sinh viên sẽ khám phá, nghiên cứu một không gian cảnh quan đô thị đặc trưng theo hành trình dạng tuyến (tuyến sẽ thay đổi theo năm), sau đó đề xuất giải pháp cho một trục cảnh quan trong khu vực tuyến cảnh quan trải nghiệm.</p>	<p>This course is a research project on landscape architecture design for a road in an urban area or in an area with specific requirements for landscape. Based on the spatial development orientation of an area, students are required to design landscape architecture for a landscape axis with a length of 150-500 m.</p> <p>In this project, students will explore and study a typical urban landscape space according to a linear journey (the route will change every year), then propose a solution for a landscape axis in the route area. experiential landscape.</p>
<p>54. Đồ án KTCQ 4 – Quy hoạch công viên</p> <p>Học phần giúp người học tổng hợp các kiến thức chuyên sâu và thực hành về quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan thể loại công viên đô thị. Học phần cung cấp quy trình thiết kế, các phương pháp phân tích cảnh quan và nguyên tắc thiết kế thể loại công viên đô thị để đảm bảo kiến trúc cảnh quan có chất lượng đặc trưng góp phần bảo vệ môi trường sinh thái tự nhiên và văn hóa của khu vực.</p>	<p>54. Landscape Architecture Project 4: Park</p> <p>The course helps students synthesize in-depth knowledge and practice on urban park planning and architectural design and landscape design. The course provides the design process, landscape analysis methods and principles of urban park genre design to ensure that landscape architecture has a characteristic quality that contributes to the protection of the natural ecological and ecological environment. culture of the area.</p>
<p>55. Đồ án Quy hoạch 1 - Đơn vị ở</p> <p>Dựa trên định hướng phát triển không gian của một khu đô thị, Sinh viên sẽ được yêu cầu quy hoạch 1 khu vực với chức năng ở (đơn vị ở đô thị) có quy mô diện tích từ 20 – 25 ha. Sinh viên nghiên cứu các nội dung của đồ án trên cơ sở áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn của Việt Nam. Tiến hành lập đồ án quy hoạch cho 1 đơn vị ở đô thị, tập trung vào nội dung đề xuất, xây dựng các phương án quy hoạch, các chỉ tiêu quy hoạch, chỉ tiêu sử dụng đất và tổ chức kiến trúc cảnh quan cho khu vực quy hoạch.</p>	<p>55. Neighbourhood Planning project</p> <p>Based on the spatial development orientation of an urban area, students will be required to plan an area with residential function (urban unit) with an area of 20-25 hectares. Students study the contents of the project on the basis of applying Vietnam's standards and regulations. Students will prepare a planning project for an urban unit, focusing on the proposed content and construction planning options, planning criteria, land use norms and organization of landscape architecture for the planned area.</p>
<p>56. Đồ án KTCQ 5 – Thiết kế đô thị</p> <p>Đồ án Thiết kế đô thị được xây dựng trên cơ sở tổng hợp và áp dụng kiến thức – kỹ năng lý thuyết và thực tế mà sinh viên đã được học ở các học kỳ trước</p>	<p>56. Landscape Architecture Project 5: Urban Design Project</p> <p>The course is built on the basis of synthesizing and applying theoretical and practical knowledge and skills that students have learned in previous semesters.</p>

<p>Trong đồ án môn học này, các sinh viên làm việc theo nhóm và cũng có làm việc cá nhân nhằm phát triển đề xuất cho một khu vực dự án tại nhiều quy mô khác nhau từ Quy hoạch chiến lược đến Thiết kế đô thị. Các sinh viên phải đưa ra những đề xuất thiết kế đô thị cho cả những phát triển mới và khu vực cải tạo, trong phạm vi khu vực lựa chọn trên cơ sở xem xét các mối quan hệ của các yếu tố đô thị ở các qui mô khác nhau.</p>	<p>In this course, students will work in groups and also individually to develop a proposal for a project area at various scales from Strategic Planning to Urban Design. Students are required to make urban design proposals for both new developments and renovating areas, within the selected area, taking into account the relationships of urban factors in the planning processes. different tissues.</p>
<p>57. Đồ án Chuyên đề KTCQ Đồ án Chuyên đề ngành Kiến trúc cảnh quan (KTCQ) trang bị, rèn luyện cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về nghiên cứu và viết báo cáo khoa học như: xác định vấn đề nghiên cứu, đối tượng và mục tiêu nghiên cứu, tiếp cận các phương pháp nghiên cứu khoa học, xây dựng kịch bản và đề xuất các giải pháp; lựa chọn và đánh giá giải pháp đề xuất. Dưới dạng nghiên cứu nhóm và cá nhân, sinh viên lập kế hoạch và đề cương, thực hiện và lập báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên sâu về một mảng đề tài thuộc lĩnh vực kiến trúc cảnh quan như: một vấn đề hoặc một đối tượng, một yếu tố của KTCQ.</p>	<p>57. Research Project on Landscape Architecture The course equips students with knowledge and skills in research and writing scientific reports such as: defining research problems, research objects, and scientific research methods, develop scenarios and propose solutions; selecting and evaluating proposed solutions. In the form of group and individual research, students will plan and outline, conduct and report on the results of in-depth research on a range of topics in the field of landscape architecture such as: a problem or an object. symbol, an element of Landscape Architecture.</p>
<p>58. Đồ án KTCQ 6 – Quy hoạch cảnh quan khu chuyên dụng Sinh viên dựa trên nền hiện trạng địa hình và thảm thực vật (vệ tinh, ảnh chụp) được cung cấp để đề xuất thiết kế kiến trúc cảnh quan cho một khu nghỉ dưỡng (resort) có diện tích nghiên cứu khoảng 10-30ha (bao gồm cảnh quan tự nhiên), quy mô lưu trú trên 100 phòng, trong đó bao gồm các phần kiến trúc, phần cảnh quan và tổng mặt bằng. Sinh viên làm việc cá nhân trong suốt quá trình thực hiện đồ án, theo 2 giai đoạn: giai đoạn 1 là ý tưởng quy hoạch tổng thể KTCQ và giai đoạn 2 là thiết kế khai triển KTCQ.</p>	<p>58. Landscape Architecture Project 6: Specialized Landscape Planning Based on the current situation of terrain and vegetation (satellite, photos) provided, students will propose a landscape architecture design for a resort (resort) with a research area of about 10-30ha (including natural landscape), accommodation scale of over 100 rooms, which includes architectural parts, landscape parts and total premises. Students will work individually during the project implementation, in two phases: Phase 1 is the ideation of the master plan of the landscape architecture and Phase is the design and implementation of the landscape architecture.</p>
<p>59. Đồ án KTCQ 7 – KTCQ tổng hợp Sinh viên (SV) thực hiện lập đồ án quy hoạch và thiết kế kiến trúc cảnh quan (KTCQ) cho một khu vực có các giá trị cảnh quan, môi trường sinh thái, nhân văn... đặc thù, với quy mô khoảng 100 ha cho nhóm 5</p>	<p>59. Landscape Architecture Project 7: Integrated Landscape Architecture Project Students make planning and landscape architecture design projects for an area with specific values of landscape, ecological environment,</p>

<p>SV (20 heacta / SV). Đồ án được xây dựng nhằm giúp SV nắm bắt một cách tổng hợp kiến thức đã học về chuyên ngành KTCQ để thực hiện một đồ án thiết kế một khu vực rộng lớn. SV xác định được bối cảnh và điều kiện hiện trạng cụ thể của từng khu vực, qua đó, đề xuất những phương án thiết kế phù hợp dựa trên những lý thuyết thiết kế và quy hoạch KTCQ tại Việt Nam.</p>	<p>humanities, etc., with a scale of about 100 hectares for a group of 5 students (20 hectares/student). The project is built to help students grasp in a general way the knowledge they have learned about the landscape architecture major to carry out a design project of a large area. Students will identify the context and specific current conditions of each area, thereby, proposing appropriate design options based on the design theories and planning of landscape architecture in Vietnam.</p>
<p>60. Đề cương tốt nghiệp ngành KTCQ</p> <p>Sinh viên được yêu cầu thực hiện nghiên cứu xây dựng đề cương cho một đồ án tốt nghiệp, bao gồm lập kế hoạch các bước thực hiện đồ án và sản phẩm dự kiến. Nội dung học phần bao gồm những bước thực hiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định các vấn đề nghiên cứu, xây dựng nội dung và quy trình thực hiện nghiên cứu lập đề cương đồ án. - Lựa chọn các cơ sở khoa học (pháp lý - lý luận - lý thuyết - thực tiễn trong và ngoài nước). - Lựa chọn phương án, kịch bản; triển khai phương án chọn. <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện đề cương đồ án. 	<p>60. Dissertation Outline</p> <p>Students are required to carry out research to develop an outline for a graduation project, including planning the steps to implement the project, as well as the expected product. The course content includes the following steps:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Identifying the research problems, developing content and the process for researching and creating a project outline. - Selecting scientific foundations (legal - argumental - theoretical - practical) in Vietnam and abroad). - Selecting appropriate plans and scenarios; implementing of the selected option. - Finalizing the project outline.
<p>61. Thiết kế không gian mở đô thị</p> <p>Học phần này cung cấp kiến thức bổ sung về các nguyên tắc và phương pháp thiết kế cảnh quan một số loại hình không gian mở phổ biến trong đô thị cho sinh viên bắt đầu bước vào giai đoạn chuyên ngành, cũng như giới thiệu công tác thiết kế cảnh quan không gian mở đô thị trong thực tế.</p> <p>Học phần được chia làm 3 phần. Phần 1 là giới thiệu tổng quát về không gian mở và các đặc thù cần chú ý trong thiết kế cảnh quan. Phần 2 là các nguyên tắc thiết kế cảnh quan được áp dụng đối với không gian mở. Phần 3 là phần hướng dẫn phương pháp thiết kế cảnh quan cho một số loại hình không gian mở thường gặp trong đô thị.</p>	<p>61. Landscape Design of Urban Open Space</p> <p>This course provides additional knowledge on the principles and methods of landscape design for some common types of urban open space for students entering the professional stage, as well as introduces the work of urban open space landscape design in practice.</p> <p>The course is divided into 3 parts. Part 1 is an overview of open spaces and features that need attention in landscape design. Part 2 covers landscape design principles applied to open spaces. Part 3 is a guide to landscape design methods for some common types of open spaces in urban areas.</p>
<p>62. Lịch sử kiến trúc Phương Đông và Việt Nam</p>	<p>62. History of Eastern World and Viet Nam Architecture</p>

- Đặc điểm kiến trúc và các công trình tiêu biểu của kiến trúc Ấn Độ và Trung Quốc thời cổ và trung đại. Kế đến khái quát kiến trúc các nước Đông Nam Á như Indonesia và Campuchia... Sau đó là đặc điểm và các loại hình kiến trúc của Nhật Bản - một ví dụ phương Đông điển hình về sự phát triển một nền kiến trúc dân tộc giàu bản sắc cần được học tập.

- Khái quát những yếu tố tác động đến lịch sử hình thành và phát triển của kiến trúc Việt Nam qua các thời kỳ. Tìm hiểu các loại hình kiến trúc và những đặc trưng cơ bản của kiến trúc Việt Nam. Đi sâu phân tích những công trình kiến trúc có giá trị.

- Mỗi quốc gia sẽ tìm hiểu về nghệ thuật kiến trúc cảnh quan trong các thể loại công trình được học.

- Việc nắm vững nội dung Học phần này là điều kiện để sinh viên có thể tiếp tục ứng dụng vào thiết kế kiến trúc và kiến trúc cảnh quan.

63. Trắc địa

Giới thiệu các kiến thức cơ bản về các khái niệm cơ bản về Bản đồ, sử dụng khai thác các thông tin bản đồ để phục vụ công tác chuyên môn. Kết thúc học phần, sinh viên sẽ hiểu và vận dụng các kiến thức về Bản đồ để từ đó khai thác các thông tin khác nhau phục vụ công tác chuyên môn.

64. Tái tạo và cải tạo

Học phần giới thiệu cho sinh viên các khái niệm cơ bản về Tái tạo và cải tạo đô thị, bối cảnh và tiến trình của cải tạo đô thị. Thông qua những lý thuyết và những trường hợp nghiên cứu điển hình trên các đô thị trong nước và quốc tế, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và dữ liệu để xem xét những chính sách quốc tế đương đại, mục tiêu, chiến lược, những nhân tố liên quan đến giải pháp tái tạo và cải tạo đô thị. Những vấn đề chính và những khuynh hướng tái tạo và cải tạo hiệu quả được dựa trên cộng đồng, dựa trên khuynh hướng văn hóa và sự phân tích hiện tượng trung lưu hóa được tập trung giới thiệu trong các buổi học của học phần.

- Architectural features and typical works of ancient and medieval Indian and Chinese architecture. Next is an overview of the architecture of Southeast Asian countries such as Indonesia and Cambodia, etc. Then there are the characteristics and architectural types of Japan - a typical oriental example of the development of a rich ethnic architecture. Colors need to be learned.

- Overview of factors affecting the history of formation and development of Vietnamese architecture through the periods. Students will also learn about the types of architecture and the basic features of Vietnamese architecture. In-depth analysis of valuable architectural works.

- In each country, students will learn about the art of landscape architecture in the types of buildings studied.

Mastering the content this course is a condition for students to continue to apply it to architectural design and landscape architecture

63. Surveying and Mapping

The course introduces basic knowledge about basic concepts of maps, use and exploit map information to serve planning work.

At the end of the course, students will understand and apply their knowledge of maps to exploit different information for professional work

64. Renewal and Regeneration

The course introduces students to the basic concepts of Urban Renewal and Regeneration, and the context and process of urban renewal. Through theories and case studies on national and international cities, the course provides students with the knowledge and data to examine contemporary international policies, goals, strategies, factors related to urban regeneration and improvement solutions. The main issues and trends of effective regeneration and renovation are community-based, culturally biased, and the analysis of the middle-class phenomenon is focused on introduced in the sessions of the course.

<p>65. Quy hoạch du lịch và di sản</p> <p>Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về di sản, cung cấp phương pháp tiếp cận cho việc bảo vệ và bảo tồn những cấu trúc và địa điểm lịch sử có tiềm năng phát triển du lịch. Học phần cũng đề cập đến những khái niệm liên quan đến du lịch, tiến trình phát triển của du lịch, các loại hình du lịch, các xu hướng du lịch hướng đến bền vững hiện nay trên thế giới, phương pháp thống kê phân tích tài nguyên du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến quy hoạch phát triển du lịch và di sản. Phần sau cùng là những bài học kinh nghiệm về quy hoạch phát triển du lịch và di sản của các thành phố tiêu biểu trên thế giới.</p>	<p>65. Tourism and Heritage Planning</p> <p>The course provides basic concepts of heritage, providing an approach to the protection and conservation of historic structures and sites with potential for tourism development. The course also mentions the concepts related to tourism, the development process of tourism, the types of tourism, the current trends of sustainable tourism in the world, statistical and analytical methods. tourism resources, factors affecting tourism and heritage development planning. The last part is the lessons learned on tourism development planning and heritage of typical cities in the world.</p>
<p>66. Kiến tạo nơi chốn</p> <p>Môn học giới thiệu cho sinh viên phương pháp luận về kiến tạo nơi chốn. Sinh viên có thể xây dựng và lựa chọn giải pháp phù hợp để bước đầu kiến tạo nơi chốn cho các khu vực khác nhau có lồng ghép việc đánh giá bối cảnh và tác động của đô thị. Trong môn học này, sinh viên sẽ phát triển các mô hình thiết kế cho những khu vực dân cư hiện hữu trong bối cảnh cụ thể hoặc giả định những khu vực hình thành trong tương lai. Sinh viên có khả năng thảo luận tổng hợp những vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa, hệ sinh thái, sự phát triển nhằm tạo lập nên 1 khu vực có chất lượng cao và có sức hấp dẫn mạnh mẽ. Sinh viên sau khi hoàn thành học phần sẽ đủ năng lực xây dựng chương trình kiến tạo nơi chốn cho các khu vực trong đô thị.</p>	<p>66. Making Places</p> <p>This course introduces students to the methodology of place construction. Students can develop and choose appropriate solutions to initially create places for different areas with integrated assessment of urban context and impacts. In this course, students will develop design models for existing residential areas in the context of specific or hypothetical future areas. Students will gain the ability to discuss synthetically about political, economic, social, cultural, ecological, and development issues in order to create an area of high quality and strong attraction. After completing the course, students will be able to build a place-building program for urban areas.</p>
<p>67. Quản lý dự án</p> <p>Học phần giới thiệu tổng quan về các loại dự án đầu tư xây dựng và quản lý dự án (QLDA) nói chung. Sinh viên sẽ tìm hiểu về các nội dung chính, quy trình QLDA đối với các dự án đầu tư xây dựng (DAĐTXD) của đô thị. Học phần chú trọng vào ứng dụng kiến thức QLDA trong công tác lập các dự án đầu tư xây dựng. Học phần được phân bổ làm 3 phần:</p> <p><u>Phần 1: Tổng quan về dự án và quản lý dự án</u></p> <p><u>Phần 2: Các nội dung chính trong công tác tổ chức quản lý dự án</u></p> <p><u>Phần 3: Nội dung và trình tự lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng</u></p>	<p>67. Project management</p> <p>The course introduces an overview of the types of construction investment projects and project management in general. Students will learn about the main contents and process of project management for urban construction investment projects. The course focuses on the application of project management knowledge in the formulation of construction investment projects. The course is divided into 3 parts:</p> <p><u>Part 1: Project overview and project management</u></p> <p><u>Part 2: The main contents of project management organization</u></p>

	<p><u>Part 3: Content and order of formulation and appraisal of construction investment projects</u></p>
<p>68. Khung thể chế pháp lý</p> <p>Học phần trình bày những vấn đề cơ bản về hệ thống lập pháp và về khung thể chế pháp lý cơ bản hiện hành của nước ta nói chung.</p> <p>Học phần giới thiệu những nội dung cơ bản liên quan đến hệ thống pháp lý, pháp luật chung và hệ thống pháp lý chuyên ngành xây dựng và quy hoạch.</p> <p>Học phần giới thiệu các quy định có tính pháp lý làm cơ sở trong công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng.</p>	<p>68. Institutional Framework</p> <p>The course presents basic issues about the legislative system and the current basic legal institutional framework of our country in general.</p> <p>The course also introduces the basic contents related to the legal system, the general law and the specialized legal system of construction and planning.</p> <p>Finally, the course introduces legal regulations as the basis for construction planning and management.</p>
<p>69. Bảo tồn trùng tu và QH bảo tồn di sản</p> <p>Môn học này cung cấp kiến thức tổng quan cho sinh viên về lĩnh vực bảo tồn di tích và quy hoạch bảo tồn các khu vực có giá trị di sản (từ đô thị đến nông thôn, từ cảnh quan văn hóa đến cảnh quan thiên nhiên...), cũng như bối cảnh của công tác bảo vệ di sản, các khái niệm về các loại hình di sản, các lý thuyết, nguyên tắc, phương pháp can thiệp nhằm bảo vệ giá trị di sản, thể chế và quy trình thực hiện dự án quy hoạch bảo tồn di sản. Sinh viên tìm hiểu, đánh giá các giá trị của di sản, các dự án và thể chế bảo tồn di sản tại Việt Nam và trên thế giới, qua đó rút ra bài học kinh nghiệm để đề xuất giải pháp quy hoạch bảo tồn di sản cho một khu vực tại Việt Nam.</p>	<p>69. Preservation and Heritage Preservation Planning</p> <p>This course provides an overview for students in the field of monument conservation and conservation planning for areas of heritage value (from urban to rural, from cultural to natural landscape, etc.), as well as the context of heritage protection, concepts of types of heritage, theories, principles, and methods of intervention to protect heritage values, institutions and practices existing heritage conservation planning project. Students will learn and evaluate the values of heritage, heritage conservation projects and institutions in Vietnam and around the world, thereby drawing lessons from experience to propose solutions for heritage conservation planning for an area in Vietnam.</p>
<p>70. Xu hướng KTCQ đương đại</p> <p>Học phần giới thiệu cho sinh viên về quá trình hình thành và phát triển của các xu hướng thiết kế kiến trúc cảnh quan đương đại trên thế giới và tại Việt Nam gắn với các yếu tố môi trường, kinh tế, xã hội, lịch sử - văn hóa..., các quan điểm, phong cách thiết kế của một số kiến trúc sư cảnh quan và văn phòng thiết kế KTCQ cùng các đồ án thiết kế nổi bật. Sinh viên được tạo điều kiện tự tìm hiểu, thảo luận và trình bày những hiểu biết, nhận thức của mình về các xu hướng KTCQ đương đại này,</p>	<p>70. Contemporary Trends in Landscape Architecture</p> <p>The course introduces students to the process of formation and development of contemporary landscape architectural design trends in the world and in Vietnam in association with environmental, economic, social, historical, cultural factors, etc.; views, design styles of some landscape architects and Architectural Design offices and outstanding design projects. Students are given the opportunity to learn, discuss and present their understandings and perceptions about</p>

<p>cũng như có khả năng ứng dụng các xu hướng thiết kế này trong bối cảnh Việt Nam.</p>	<p>these contemporary landscape architecture trends, as well as being able to apply these design trends in the Vietnamese context.</p>
<p>71. Kiến trúc sinh thái</p> <p>Học phần cung cấp các kiến thức về môi trường, những điều kiện khí hậu tự nhiên, đường biểu kiến mặt trời, mưa, không khí. Sự ảnh hưởng về Quy hoạch, Kiến trúc đặt ra trong điều kiện sinh thái đặc trưng của địa phương. Tận dụng điều kiện khí hậu môi trường để đưa ra giải pháp thiết kế tối ưu hài hòa giữa con người và môi trường. Tận dụng vật liệu, tài nguyên địa phương có thể tái sinh không ô nhiễm môi trường.</p>	<p>71. Ecological Architecture</p> <p>The course provides knowledge about the environment, natural climatic conditions, the apparent path of the sun, rain, and atmosphere; the influence on Planning and Architecture is set in the typical ecological conditions of the locality; taking advantage of environmental climate conditions to come up with optimal design solutions that harmonize between people and the environment; make use of local renewable materials and resources without polluting the environment.</p>
<p>Học phần gồm những nội dung sau: (i) Giới thiệu về các khái niệm trong Kiến trúc sinh thái; (ii) Giới thiệu về các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá công trình sinh thái; (iii) Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng không khí công trình KTCQ.</p>	<p>The course includes the following contents: (i) Introduction to concepts in Eco-Architecture; (ii) Introduction of criteria and standards for evaluation of ecological works; (iii) Standards for air quality assessment of geo-architecture works.</p>
<p>72. Chuyên đề Kiến trúc 3 - Công trình nghỉ dưỡng</p> <p>Học phần giúp sinh viên nắm được các nguyên lý, tiêu chuẩn và phương pháp thiết kế công trình resort.</p> <p>Học phần bao gồm các kiến thức căn bản về kiến trúc resort và được chia làm 3 nội dung chính:</p> <p>Giới thiệu các khái niệm chung, các đặc trưng, nguồn gốc hình thành công trình...</p> <p>Phân tích các yếu tố thuộc về tự nhiên và xã hội trong việc thiết kế công trình.</p> <p>Vận dụng kinh nghiệm từ các công trình thực tế, các kiến thức đã học ở các phần trên.... để tìm hiểu và rút ra nguyên tắc thiết kế cho từng khu chức năng cụ thể trong kiến trúc resort tại Việt Nam.</p>	<p>72. Architecture Thematic 3: Resort</p> <p>The course helps students understand the principles, standards and methods of designing resorts.</p> <p>The basics of resort architecture and is divided into 3 main contents: Introduction of general concepts, characteristics, and origins of construction works.</p> <p>Analysis of natural and social factors in the design of works.</p> <p>Applying experience from real projects, the knowledge learned in the above sections in order to learn and draw design principles for each specific functional area in resort architecture in Vietnam.</p>
<p>73. Quy hoạch san nền và thoát nước mưa</p> <p>Học phần Quy hoạch san nền và thoát nước trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về công tác quy hoạch cao độ nền như khái niệm, nguyên tắc, các giải pháp bề mặt cho các khu vực chức năng đô thị. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về hệ</p>	<p>73. Grading and Drainage Planning</p> <p>The course equips students with the basics of ground-level planning such as concepts, principles, surface solutions for urban functional areas. In addition, the course provides students with an overview of urban surface water drainage systems; current drainage design trends</p>

<p>thống thoát nước mặt đô thị. Xu hướng thiết kế thoát nước hiện nay ở Việt Nam và xu hướng thiết kế thoát nước hướng tới phát triển bền vững.</p> <p>Kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức về công tác quy hoạch cao độ nền để vận dụng vào thiết kế cảnh quan đô thị. Hiểu được mối liên quan giữa quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt, bề mặt đô thị mà sinh viên đề xuất sẽ tránh được rủi ro ngập lụt do mưa.</p>	<p>in Vietnam and drainage design trends towards sustainable development.</p> <p>At the end of the course, students will have knowledge of high-level planning to apply to urban landscape design; understand the relationship between the planning of ground elevation and surface water drainage, the urban surface proposed by the students will avoid the risk of flooding due to rain.</p>
<p>74. Bảo vệ môi trường đô thị</p> <p>Học phần cung cấp thông tin tổng quan về bối cảnh chung và thực trạng xuống cấp, cũng như những hậu quả xuất phát từ ô nhiễm môi trường có ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân tại các khu vực đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn có mức đô thị hóa cao. Thông qua một số trường hợp nghiên cứu điển hình, sinh viên sẽ tìm hiểu, tiếp cận một số chủ đề liên quan đến các thành phần chính cấu thành nên môi trường đô thị chẳng hạn như đất, nước, không khí, tiếng ồn, chất thải rắn, hệ sinh thái, kinh tế - xã hội...</p> <p>Theo đó, học phần được thiết kế gồm 3 phần:</p> <p><u>Phần 1: Tổng quan về môi trường đô thị</u></p> <p><u>Phần 2: Các yếu tố môi trường cần được bảo vệ trong quá trình phát triển</u></p> <p><u>Phần 3: Chính sách thực thi bảo vệ môi trường trong bối cảnh của Việt Nam.</u></p>	<p>74. Urban Environment Protection</p> <p>The course provides an overview of the general context and status of degradation, as well as the consequences arising from environmental pollution that affect the lives of people in urban areas, especially in large cities that have a high degree of urbanization. Through a number of case studies, students will learn and approach a number of topics related to the main components constituting the urban environment such as soil, water, air, noise, solid waste, ecology, economy - society, etc.</p> <p>Accordingly, the course is designed with 3 parts:</p> <p><u>Part 1: Overview of the urban environment</u></p> <p><u>Part 2: Environmental factors that need to be protected during development</u></p> <p><u>Part 3: Environmental protection enforcement policy in the context of Vietnam.</u></p>
<p>75. Địa chất thủy văn</p> <p>Học phần gồm hai nội dung chính là "Địa chất thủy văn" và "Thủy văn đô thị".</p> <p>+ Địa chất thủy văn đưa ra phân lý thuyết về quá trình hình thành, vận động của nước dưới đất và các tính chất của nước dưới đất, dòng chảy của nước qua các công trình. Trên cơ sở đó, xem xét sự ảnh hưởng của nước ngầm tới các phương án thiết kế cảnh quan đô thị.</p>	<p>75. Geology - Hydrology</p> <p>The course consists of two main contents: "Hydrogeology" and "Urban Hydrology".</p> <p>+ "Hydrogeology" gives the theoretical part about the process of formation and movement of underground water and the properties of underground water, the flow of water through the works. On that basis, students will consider the influence of groundwater on urban landscape design options.</p> <p>+ "Urban hydrology" presents the types of surface flows in urban areas, the process of formation and calculation of hydrological</p>

<p>+ Thủy văn đô thị trình bày các loại dòng chảy mặt trong đô thị, quá trình hình thành và tính toán các đặc trưng thủy văn của dòng chảy mặt phục vụ cho công tác thiết kế cảnh quan và quy hoạch đô thị.</p>	<p>characteristics of surface flows in service of landscape design and urban planning.</p>
<p>76. Quy hoạch đô thị bền vững Học phần giới thiệu về các khái niệm liên quan đến phát triển bền vững (PTBV) và Đô thị bền vững (ĐTBV); Những khía cạnh, tranh luận và mối quan hệ của PTVB, ĐTBV; Các nguyên tắc cơ bản, các chỉ số, tiêu chí đánh giá và công cụ đánh giá mức độ bền vững của đô thị. Bàn luận những thách thức hiện nay của đô thị và mối quan tâm PTVB ảnh hưởng đến thực tiễn quy hoạch đô thị; Các lý luận, mô hình, xu hướng phát triển đô thị hướng đến ĐTBV và thực tiễn phát triển các đô thị trên thế giới hướng đến ĐTBV; Các chương trình phát triển đô thị tại Việt Nam hướng đến ĐTBV.</p>	<p>76. Sustainable City Planning The course introduces concepts related to sustainable development and sustainable cities; Aspects, debates and relationships of sustainable development, sustainable development; Basic principles, indicators, assessment criteria and tools for assessing urban sustainability. The course also deals with current urban challenges and sustainable development concerns affecting urban planning practice; Theories, models and trends of urban development towards sustainable development and the practice of developing cities in the world towards sustainable development; Urban development programs in Vietnam are geared towards sustainable development.</p>
<p>77. Quy hoạch vùng cảnh quan Học phần bao gồm các khái niệm liên quan đến Vùng Cảnh Quan (VCQ) và Quy Hoạch Vùng Cảnh Quan (QHVCQ); Mối quan hệ đa ngành của QHVCQ; Các yếu tố và những cơ sở xác lập VCQ; Những thách thức đối với VCQ trên phương diện quản lý môi trường và Quy hoạch Vùng - Lãnh thổ (QHVLT); Các nguyên tắc cơ bản về QHVCQ; Các phương pháp (định lượng và định tính) đánh giá hiệu quả và sự phù hợp của QHVCQ; Các mô hình VCQ và sự phát triển của QHVCQ trên thế giới; Những định hướng và khả năng phát triển QHVCQ tại Việt Nam.</p>	<p>77. Landscaping of The Territory The course covers concepts related to Landscape Area and Landscape Area Planning; Multidisciplinary relationship of landscape landscape planning; Factors and bases for establishing landscape landscape; Challenges for landscape landscape in terms of environmental management and Regional - Territorial Planning; Basic principles of landscape planning; Methods (quantitative and qualitative) to evaluate the effectiveness and relevance of landscape landscape planning; Landscape models and the development of landscape landscape in the world; Orientations and development possibilities of landscape landscape in Vietnam.</p>
<p>78. Hình thái cảnh quan Học phần giới thiệu cho sinh viên về các dạng hình thái cảnh quan tự nhiên và hình thái cảnh quan đô thị cùng với quá trình hình thành, phát triển, biến đổi của hình thái cảnh quan. Thông qua học phần, sinh viên có thể nắm bắt được những vấn đề cơ bản về hình thái học cảnh quan để vận dụng vào trong công tác phân tích, tổng hợp thông tin phục vụ cho việc thiết kế kiến trúc cảnh quan cụ thể. Đồng thời, qua việc học tập về</p>	<p>78. Landscape Morphology The course introduces students to natural landscape morphologies and urban landscape morphologies along with the process of formation, development and transformation of landscape morphologies. Through the course, students can grasp the basics of landscape morphology to apply in analyzing and synthesizing information to serve the design of specific landscape architecture. At the same time, through studying the</p>

<p>các lý thuyết hình thái học cảnh quan, sinh viên cũng có thể tiếp cận với một số quan điểm lý luận về hình thái cảnh quan để xây dựng cho mình nền tảng cho việc nghiên cứu khoa học ngành kiến trúc cảnh quan.</p>	<p>theories of landscape morphology, students can also approach some theoretical perspectives on landscape morphology to build their own foundation for scientific research in the field of landscape architecture.</p>
<p>79. Đồ án tốt nghiệp ngành Kiến trúc cảnh quan Đồ án tốt nghiệp ngành kiến trúc cảnh quan (KTCQ) là đồ án nghiên cứu thiết kế được thực hiện trong 16 tuần, dựa trên nền tảng các học phần lý thuyết và đồ án chuyên ngành KTCQ đã được học trong chương trình bậc Đại học. Dựa trên Đề cương tốt nghiệp đã thực hiện, sinh viên phát triển và hoàn thiện thành đồ án, vận dụng các cơ sở khoa học (lý luận, pháp lý, thực tiễn) để áp dụng vào một khu vực cụ thể trong bối cảnh thực tế thiết kế KTCQ tại Việt Nam. Sinh viên có thể chọn các dạng đề tài sau để làm Đồ án Tốt nghiệp: thiết kế KTCQ sân vườn công trình kiến trúc, trục cảnh quan, không gian công cộng, các thể loại công viên cây xanh, các khu chức năng đặc thù, các khu vực bảo tồn - tôn tạo - phục hồi cảnh quan văn hoá, cảnh quan sinh thái...</p>	<p>79. Graduation Project Graduation Project is a research and design project to be implemented in 16 weeks, on the basis of the theoretical courses and specialized projects of Landscape Architecture throughout the program. Based on the completed project outline, students will develop and complete a project, apply scientific foundations (theoretical, legal, and practical) into an actual landscape architecture design for a specific area within Vietnam. Students can choose the following types of topics to do their Graduation Projects: landscape design of gardens, architectural works, landscape axis, public space, types of green parks, specific functional areas, areas of conservation - embellishment - restoration of cultural landscapes, ecological landscapes, etc.</p>